



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG

Đoàn kết - Sáng tạo - Phát triển

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2023



Địa chỉ: 471 Núi Thành, Phường Hòa Cường Nam,
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Số điện thoại: (0236) 3622 007

Số fax: (0236) 3642 423

Email: ctmtdt@danang.gov.vn

Website: www.moitruongdothidanang.com.vn



DNURENCO

MỤC LỤC

1

THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát
Quá trình hình thành và phát triển
Các thành tích tiêu biểu
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
Mô hình quản trị, cơ cấu bộ máy quản lý
Định hướng phát triển
Các rủi ro

2

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
Tổ chức và nhân sự
Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện dự án
Tình hình tài chính
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

3

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
Tình hình tài chính
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
Kế hoạch phát triển trong tương lai
Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán
Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

4

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội
Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty
Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

5

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị
Ban kiểm soát
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BTGS và BKS

6

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2023

Ý kiến kiểm toán
Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023 đã kiểm toán

1

THÔNG TIN CHUNG

- 01 Thông tin khái quát
- 02 Quá trình hình thành và phát triển
- 03 Các thành tích tiêu biểu
- 04 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 05 Mô hình quản trị, cơ cấu bộ máy quản lý
- 06 Định hướng phát triển
- 07 Các rủi ro



01

Thông tin khái quát



Tên giao dịch	: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG
Tên tiếng Anh	: DANANG URBAN ENVIRONMENT JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt	: CÔNG TY CP MTĐT ĐÀ NẴNG
Mã cổ phiếu	: DNE
Vốn điều lệ	: 57.736.000.000 đồng
Vốn đầu tư của CSH	: 57.736.000.000 đồng
Địa chỉ	: 471 Núi Thành, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Giấy chứng nhận ĐKDN	: Số 0400228640 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 24/06/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 12/12/2018
Số điện thoại	: (0236) 3622 007
Số Fax	: (0236) 3642 423
Email	: ctmdt@danang.gov.vn
Website	: www.moitruongdothidanang.com.vn

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Năm 1975

Công ty Vệ sinh Đà Nẵng, tiền thân của Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Đà Nẵng, được thành lập từ việc tiếp quản Công ty Vệ sinh của chế độ cũ.



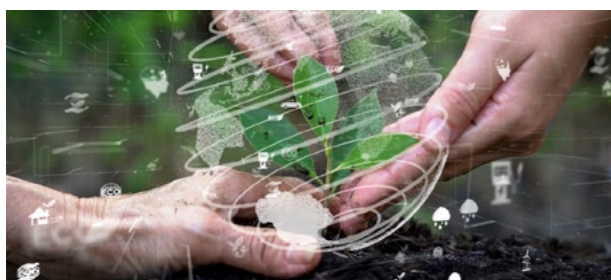
Năm 1985

Công ty trực thuộc thành phố Đà Nẵng, tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng.



Năm 1992

03 đơn vị Xí nghiệp Công trình Đô thị, Xí nghiệp Điện Chiếu sáng và Công ty Vệ sinh Đà Nẵng sáp nhập thành Công ty Công trình Đô thị Đà Nẵng.



Năm 1993

Tiến hành tách 03 Xí nghiệp của Công ty Công trình Đô thị Đà Nẵng như cũ và Công ty đổi tên thành Công ty Môi trường Đô thị thành phố Đà Nẵng, trực thuộc UBND thành phố Đà Nẵng, tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng.

Năm 1997

Do chia tách tỉnh, Công ty chuyển sang trực thuộc Sở Giao thông Công chính TP. Đà Nẵng.



Năm 2008

Công ty chuyển sang trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường TP. Đà Nẵng.

Năm 2010

Công ty chuyển thành Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Đà Nẵng theo Quyết định số 3950/QĐ-UB ngày 26/05/2010 của UBND thành phố Đà Nẵng. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Đà Nẵng cấp Giấy CNĐKDN số 0400228640 lần đầu ngày 24/06/2010.



Năm 2016

Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận đăng ký Công ty đại chúng.



Năm 2017

Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng chính thức giao dịch trên sàn UPCoM với giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên là 10.400 đồng/cổ phiếu.



Năm 2018

Ngày 05/12/2018, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam đã thực hiện điều chỉnh loại chứng khoán từ chuyển nhượng có điều kiện sang chuyển nhượng tự do đối với 13.200 cổ phiếu Công ty của 22 cổ đông theo đề nghị của Công ty tại công văn số 786/MTĐT-TCHC ngày 30/11/2018; Doanh nghiệp thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 3 ngày 12/12/2018.

Năm 2019

Ngày 15/11/2019, hợp tác giữa Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị TP.HCM và Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng (DNURENCO) để đầu tư hệ thống thiết bị xử lý đốt với công suất 600 kg/giờ (chia làm hai giai đoạn, mỗi giai đoạn 300 kg/giờ).





Năm 2020

Lợi nhuận sau thuế năm 2020 đã tăng 3,43 lần so với năm 2015 khi Công ty vừa mới Cổ phần hóa.



Năm 2021

Tiếp tục tận dụng bề dày lịch sử 45 năm phát triển của Công ty và sự quan tâm, chỉ đạo của các cơ quan địa phương, nâng cao năng lực cạnh tranh và không ngừng đảm bảo chất lượng dịch vụ của mình.



Năm 2022

Thành lập Chi nhánh Xi nghiệp Kinh doanh Dịch vụ và Xử lý môi trường.



Năm 2023

Công ty tiếp tục đẩy mạnh hoạt động kinh doanh nhờ vào kinh nghiệm 48 năm của Công ty và sự hướng dẫn từ cơ quan địa phương. Mục tiêu của Công ty là chất lượng dịch vụ luôn được đảm bảo, tạo được lợi thế cạnh tranh góp phần vào phát triển môi trường đô thị lâu dài và bền vững.





CÁC THÀNH TÍCH NỔI BẬT

Năm	Ngày tháng	Chức vụ
2001	18/01	Bằng khen Bộ trưởng Bộ Giao thông “Đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2000” Quyết định số 232/QĐ-BGTVT.
	25/04	Bằng khen của Bộ trưởng - Trưởng ban chỉ đạo Quốc gia về cung cấp nước sạch và vệ sinh môi trường theo QĐ số: 02/2001/BCĐ-QĐ.
	28/05	Chủ tịch nước tặng thưởng “Huân chương lao động hạng nhất” Quyết định số 424/2001/QĐ/CTN.
	27/12	Chủ tịch UBND TP Đà Nẵng tặng Bằng khen “Đã có thành tích tốt trong phong trào quần chúng Bảo vệ an ninh Tổ quốc năm 2001” Quyết định số 8334/QĐ-UB.
2002	04/01	Đảng bộ trong sạch vững mạnh năm 2001 của Quận ủy Hải Châu theo QĐ số 25-QĐ/QU.
	15/01	Bằng khen Bộ trưởng Bộ Giao thông “Đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2001” Quyết định số 138/QĐ-BGTVT.
2003	15/01	Đảng bộ trong sạch vững mạnh năm 2002 của Quận ủy Hải Châu theo QĐ số 56-QĐ/QU; Cờ Thi đua của Tổng Liên Đoàn Lao Động Việt Nam theo QĐ số: 173/QĐ-TLĐ.
	13/02	Bằng khen Bộ trưởng Bộ Giao thông “Đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2002” Quyết định số 351/QĐ-BGTVT.
2004	02/03	Chủ tịch UBND TP Đà Nẵng tặng Bằng khen “Đã hoàn thành tốt công tác vệ sinh đô thị phục vụ các ngày lễ lớn trong năm 2003” Quyết định số 1518/QĐ-UB.
	20/07	Bằng khen của Liên Đoàn Lao Động Thành phố Đà Nẵng theo QĐ số: 71/QĐLĐLĐ đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua chào mừng kỷ niệm 75 năm ngày thành lập Công Đoàn Việt Nam (28/07/1929 - 28/07/2004).
	27/11	Chủ tịch UBND TP Đà Nẵng tặng bằng khen “Đã có thành tích tốt trong công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông, trật tự đô thị năm 2003” Quyết định số 581/QĐ-UB.
2006	05/01	Cờ Thi đua của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam theo QĐ số: 33/QĐ-TLĐ đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua lao động giỏi và xây dựng tổ chức Công đoàn vững mạnh năm 2005.
	31/03	Chủ tịch UBND TP Đà Nẵng tặng bằng khen “Đã thực hiện tốt kế hoạch vệ sinh môi trường đô thị phục vụ Tết Bính Tuất năm 2006” theo Quyết định số 1518/QĐ-UB.
	11/05	Bộ Tài nguyên và Môi trường tặng giải thưởng Môi trường năm 2006, Quyết định số 641/QĐ-BTNMT.
2007	12/01	Đảng bộ trong sạch vững mạnh năm 2006 của Quận ủy Hải Châu.
2008	07/01	Đảng bộ trong sạch vững mạnh năm 2007 của Quận ủy Hải Châu theo QĐ số:1107-QĐ/QU.
	20/03	Cờ thi đua Chủ tịch UBND TP Đà Nẵng năm 2007 “Đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác, dẫn đầu phong trào thi đua yêu nước năm 2007” theo Quyết định số 2436/ QĐ-UB.

Năm	Ngày tháng	Chức vụ
2009	30/03	Chủ tịch UBND TP Đà Nẵng tặng Cờ thi đua “Đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác, dẫn đầu phong trào thi đua yêu nước năm 2008” theo Quyết định số 2360/QĐ-UB; Ngày 28/05/2009, Thủ Tướng Chính phủ tặng thưởng “Cờ thi đua Chính phủ năm 2008” Quyết định số 684/QĐ-TTg.
	22/12	Đảng bộ đạt tiêu chuẩn tổ chức cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh tiêu biểu năm 2009 của Quận ủy Hải Châu theo QĐ số: 2575 -QĐ/QU.
2010	22/01	Chủ tịch UBND TP Đà Nẵng tặng Cờ thi đua “Đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác, dẫn đầu phong trào thi đua yêu nước của ngành Tài nguyên và Môi trường năm 2009” theo Quyết định số 626/QĐ-UB.
	14/04	Chủ tịch UBND TP Đà Nẵng tặng bằng khen “đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua lao động giỏi 5 năm (2005-2010)” theo Quyết định số 2988/QĐUB.
	31/08	Chủ tịch nước tặng thưởng “ Huân chương Độc lập hạng ba ” quyết định số 1460/QĐ/CTN.
2017	20/11	Chủ tịch UBND thành phố tặng Bằng khen đã có thành tích xuất sắc trong công tác chuẩn bị, phối hợp tổ chức và phục vụ Tuần lễ cấp cao APEC Việt Nam 2017 tại TP Đà Nẵng.
	22/12	Công an TP Đà Nẵng tặng Giấy khen cho tập thể có thành tích xuất sắc trong phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc năm 2017.
2021	23/12	Công an TP Đà Nẵng tặng Giấy khen cho tập thể có thành tích xuất sắc trong phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc năm 2021.
2022	12/04	Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ tại QĐ số 439/QĐ-TTg ngày 12/04/2022 vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác và các hoạt động phòng chống dịch Covid-19
	05/12	Bằng khen UBND thành phố Đà Nẵng tại QĐ 3135/QĐ-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2022 vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác phòng, chống, khắc phục hậu quả của bão số 4, bão số 5 năm 2022 và mưa lũ lớn sau bão xảy ra trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.
	10/10	Bằng khen UBND thành phố Đà Nẵng tại QĐ 2659/QĐ-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2022 vì đã có thành tích xuất sắc trong chăm lo đời sống người lao động, được LĐLĐ thành phố tôn vinh “Doanh nghiệp chăm lo tốt đời sống người lao động” năm 2022.



Năm	Ngày tháng	Chức vụ
2023	21/4	Giấy khen của Cục trưởng Cục Thuế TP Đà Nẵng cho tập thể đã có thành tích thực hiện tốt chính sách pháp luật Thuế năm 2022 theo Quyết định số 1575/QĐ-CTDAN của Cục thuế TP. Đà Nẵng.
	02/6	Bằng khen của Chủ tịch UBND Thành phố Đà Nẵng cho tập thể đạt giải thưởng môi trường Thành phố Đà Nẵng năm 2022 theo Quyết định số 1148/QĐ-UBND của UBND TPĐN.

Năm	Ngày tháng	Chức vụ
2023	18/7	Bằng khen của Chủ tịch UBND Thành phố Đà Nẵng cho tập thể hoàn thành xuất sắc trong công tác tổ chức Lễ hội pháo hoa quốc tế Đà Nẵng năm 2023 theo Quyết định số 1498/QĐ-UBND của UBND TPĐN.





NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- » Thu gom rác thải không độc hại. Chi tiết: Thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp không nguy hại, chất thải y tế không nguy hại, chất thải hàng hải, phế thải xây dựng và hầm cầu
- » Thu gom rác thải độc hại
- » Kinh doanh vật tư, thiết bị, hóa chất, vi sinh và các trang thiết bị liên quan đến lĩnh vực xử lý môi trường
- » Xử lý và tiêu hủy rác không độc hại
- » Xử lý và tiêu hủy rác độc hại (Đang xin gia hạn cấp phép)

Chủ yếu là các chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt thông thường, chất thải rắn công nghiệp,...



- » Cung cấp dịch vụ vệ sinh công cộng, vỉa hè, đường phố, cống rãnh, ao hồ, đầm, trên sông và ven biển
- » Xử lý ô nhiễm môi trường các hệ thống sông, hồ, đầm ao, vịnh biển và bờ biển
- » Thoát nước và xử lý nước thải
- » Tái chế phế liệu
- » Tư vấn lập các hồ sơ, thủ tục dự án trong lĩnh vực môi trường và tư vấn chuyển giao công nghệ sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh
- » Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan

ĐỊA BÀN KINH DOANH

Địa bàn hoạt động kinh doanh chính của Công ty tại 5 quận và 01 huyện của Thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2022-2024 (các quận: Hải Châu, Sơn Trà, Cẩm Lệ, Ngũ Hành Sơn, Thanh Khê và huyện Hoà Vang), trong đó tập trung tại các các tuyến đường, khu dân cư, Cùng với đó, Công ty thực hiện Gói thầu: quét, thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt tại các chợ thuộc Công ty Quản lý và Phát triển các chợ Đà Nẵng; Thuê dịch vụ vệ sinh môi trường ven biển, rừng phòng hộ và các điểm du lịch trên Bán đảo Sơn Trà.

Với lợi thế về điều kiện tự nhiên, phong cảnh và vị trí địa lý thuận tiện, Đà Nẵng là thành phố đóng vai trò hạt nhân của Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung với thế mạnh là ngành du lịch. Điều này thúc đẩy nhu cầu về vệ sinh môi trường ở địa phương, từ đó hình thành động lực phát triển cho Công ty.



Đà Nẵng





MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, hiện nay mô hình quản trị của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng được tổ chức theo quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định có liên quan với mô hình bao gồm:

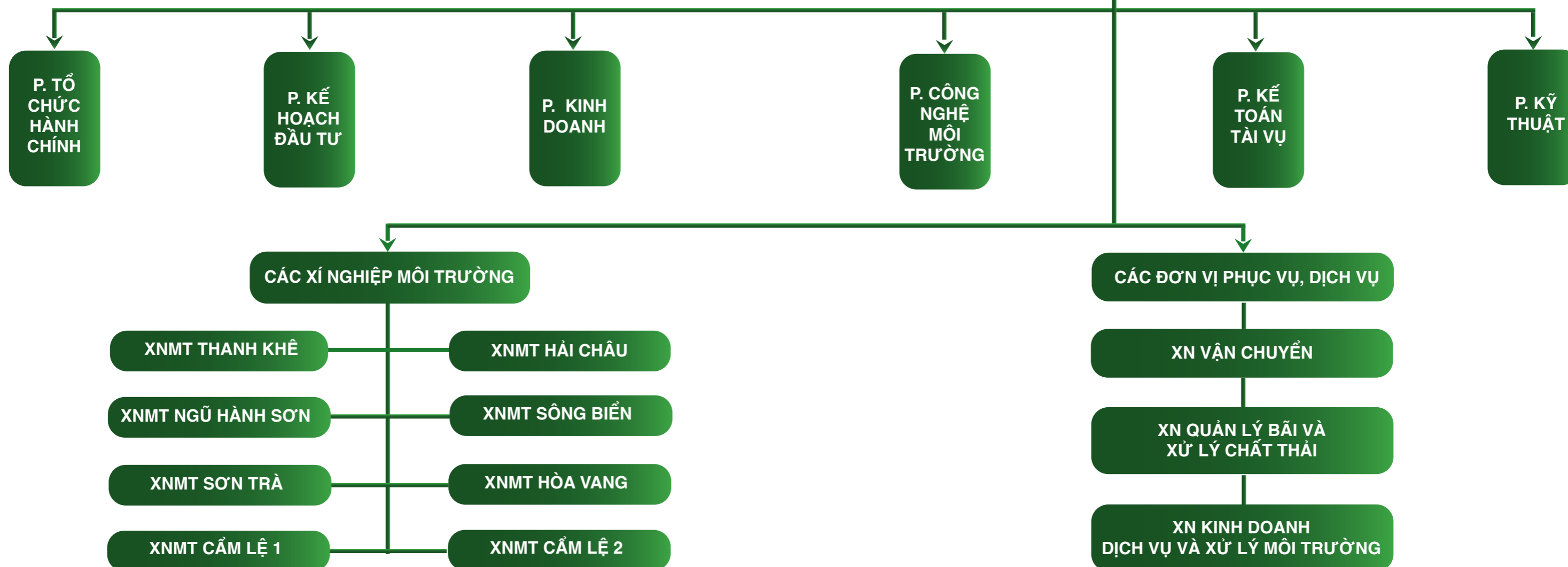
Đại hội đồng cổ đông: bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

Hội đồng quản trị: Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Ban kiểm soát: Thực hiện nhiệm vụ thay mặt cho cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, hoạt động quản trị và điều hành của Công ty.

Ban Tổng Giám đốc: Là cơ quan điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT: Không có



CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ

Ngày 14/04/2023, Hội đồng quản trị CTCP Môi trường Đô thị Đà Nẵng đã ban hành Quyết định số 09/QĐ-HĐQT về việc chấm dứt hoạt động của chi nhánh Xí nghiệp Môi trường Cẩm Lệ – Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng. Thành lập 2 chi nhánh: XNMT Cẩm lệ 1 phục vụ trên địa bàn phường Khuê Trung, phường Hòa Thọ Đông, phường Hòa Thọ Tây, phường Hòa Phát và phường Hòa An. XNMT Cẩm lệ 2 nhằm phục vụ trên địa bàn Phường Hòa Xuân, quận Cẩm Lệ.

Ngày 22/11/2023, Hội đồng quản trị CTCP Môi trường Đô thị Đà Nẵng đã ban hành Nghị quyết số 13/NQ-HĐQT về việc giải thể Ban KCS – Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng.



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

Về hoạt động:

- » Nâng cao tỷ lệ cơ giới hóa các trang thiết bị cũng như hiệu quả thu gom và tái chế rác thải của Công ty.
- » Tiếp tục thi công, xây dựng và cung cấp các trang thiết bị, hệ thống xử lý và tiêu hủy chất thải cho khách hàng.
- » Duy trì và đảm bảo an ninh môi trường ở các địa bàn mà Công ty đảm nhận quản lý vận hành.
- » Ngăn ngừa tối đa các sự cố môi trường có thể xảy ra, tránh ảnh hưởng đến các khu vực dân cư.
- » Triển khai có hiệu quả các thủ tục đầu tư Dự án nâng cấp mở rộng khu xử lý chất thải nguy hại Khánh Sơn.

Về lợi nhuận:

- » Đảm bảo doanh thu và lợi nhuận tăng đều hàng năm.
- » Phần đầu để doanh thu loại hình dịch vụ các năm tiếp theo chiếm tỷ trọng cao trong tổng doanh thu toàn Công ty.
- » Phần đầu lợi nhuận hàng năm chi trả cổ tức đạt tối thiểu 5%/năm.
- » Đạt mục tiêu doanh thu năm 2024 đạt 270,81 tỷ đồng.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

- ✓ Tận dụng ưu thế khi được sự quan tâm và chỉ đạo trực tiếp của Thành ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố, từ đó đảm bảo hoàn thành tốt các chỉ đạo đồng thời vẫn đảm bảo lợi nhuận cho Công ty.
 - ✓ Giữ vững thị trường đang ổn định ở địa bàn thành phố Đà Nẵng, trong đó tập trung vào mảng thu gom chất thải nguy hại, tái chế chất thải, tư vấn thiết kế các công trình liên quan tới môi trường.
- Có kế hoạch đầu tư thiết bị, đổi mới công nghệ cho phương tiện vận tải, đầu tư tin học hóa trong công
- ✓ tác quản lý, thu gom và vận chuyển rác thải.

CÁC MỤC TIÊU ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG

Công ty xác định, để có thể phát triển bền vững, lâu dài, Công ty cần có những sự cố gắng hơn nữa trong công tác giữ gìn môi trường đô thị xanh sạch đẹp, đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của người dân về cảnh quan môi trường đô thị. Bên cạnh đó, Công ty hướng đến việc cải tiến phương tiện, máy móc, trang thiết bị để có thể đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty luôn được diễn ra linh hoạt, chuyên nghiệp, tránh phát sinh tình trạng ùn ứ rác thải trong địa bàn, gây ô nhiễm môi trường và ảnh hưởng đến sinh hoạt của người dân địa phương.





CÁC RỦI RO

RỦI RO KINH TẾ

Nền kinh tế Việt Nam năm 2023, đối mặt với nhiều vấn đề khó khăn do tình hình kinh tế bất ổn. Hầu hết các nền kinh tế trên thế giới đều có mức tăng trưởng thấp hơn kỳ vọng do tổng cầu suy giảm; lạm phát đã hạ nhiệt nhưng vẫn ở mức cao; chính sách tiền tệ thắt chặt, nợ công thế giới đã tăng lên đáng kể; xung đột quân sự giữa Nga và Ukraine, mâu thuẫn tại khu vực Trung Đông giữa Israel và Palestine ngày càng phức tạp dẫn đến tăng nguy cơ địa chính trị, tạo áp lực lớn đến sự phục hồi kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng.

Mặc dù còn nhiều thách thức đối với kinh tế Việt Nam nhưng với sự chủ động và chủ trương quyết liệt đúng đắn và kịp thời của Chính phủ, nền kinh tế Việt Nam vẫn có những điểm sáng. Trong đó việc phát triển các ngành dịch vụ môi trường, xử lý, thu gom rác thải hiện nay được xem là một ngành kinh tế có đóng góp đáng kể cho tăng trưởng kinh tế, tạo việc làm, giải quyết các vấn đề ô nhiễm

môi trường, biến đổi khí hậu và suy giảm tài nguyên, và điều này là tín hiệu tích cực đến với Công ty. Năm 2023, theo Tổng cục Thống kê tăng trưởng kinh tế đạt 5,05% với xu hướng quý sau cao hơn quý trước (quý I tăng 3,41%; quý II tăng 4,25%; quý III tăng 5,47%; quý IV tăng 6,72%). Bên cạnh đó, tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) năm 2023 của Đà Nẵng đạt nhiều kết quả tích cực tăng 2,58% so cùng kỳ năm 2022; quy mô nền kinh tế Thành phố năm 2023 đạt hơn 134.000 tỷ đồng, tăng thêm gần 10.000 tỷ đồng so với năm 2022.

Đây là cơ sở, tiền đề quan trọng để xúc tiến cho Công ty phát triển trong tương lai khi có được nhiều cơ hội và nền kinh tế đang trên đà hồi phục. Hơn nữa, Công ty luôn cập nhật các biến động của nền kinh tế, đánh giá các tác động của chính sách đến thị trường, đưa ra các phương án chủ động điều chỉnh phù hợp nhằm hạn chế rủi ro kinh tế sẽ xảy ra.

RỦI RO PHÁP LUẬT

Tất cả các doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh trong nền kinh tế đều phải chịu sự chi phối của Pháp luật và Công ty cũng không ngoại lệ. Hiện tại, Công ty hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần giao dịch trên Hệ thống đăng ký giao dịch UPCOM với ngành nghề kinh doanh chính là cung cấp dịch vụ công ích. Do đó, hoạt động của Công ty chịu sự điều chỉnh từ hệ thống pháp luật như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Lao động, Luật Tài nguyên và Bảo vệ môi trường,... cùng với các quy định khác có liên quan đến ngành nghề của Công ty. Ngoài ra, Việt Nam đang trong thời kỳ hội nhập phát triển nên hành lang pháp lý, những cơ chế, chính sách còn đang trong tiến trình hoàn thiện và thường xuyên thay đổi. Việc bổ sung, thay đổi liên tục các văn bản quy phạm pháp luật sẽ có những độ trễ nhất định và gây khó khăn đến quá trình quản lý cũng như hoạt động sản xuất kinh doanh của từng doanh nghiệp Việt Nam nói chung, cũng như Công ty nói riêng.

Nhận thức được điều này, Ban lãnh đạo Công ty luôn chủ động rà soát, lên kế hoạch chiến lược thực hiện đúng và đủ các quy định Pháp luật. Đồng thời, Công ty liên tục theo dõi và cập nhật các thông tin từ Chính phủ và các quy định mới nhằm điều chỉnh kịp thời các chính sách, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty.



RỦI RO ĐẶC THÙ NGÀNH

Rủi ro chi phí

Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng là một trong những doanh nghiệp đặc thù hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ môi trường như thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải,... trên địa bàn Thành phố Đà Nẵng. Do đó, Công ty gặp nhiều hạn chế về mức giá cung cấp dịch vụ như thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải đều tuân theo quy định về định mức đơn giá dịch vụ do Nhà nước quy định. Với việc chi phí đầu vào, giá nguyên vật liệu tăng cao do biến động thị trường và chi phí nhân công đang có xu hướng tăng, trong khi mức giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải vẫn còn thấp và không được điều chỉnh từ 2018 đến nay gây ảnh hưởng đến lợi nhuận và tạo áp lực chi phí cho Công ty. Để hạn chế rủi ro chi phí, Công ty đầu tư vào nghiên cứu và phát triển để tối ưu hóa hiệu suất của thiết bị và quy trình, theo dõi biến động giá cả trên thị trường và liên tục cập nhật với các quy định, tiêu chuẩn mới nhất. Thêm vào đó, Công ty đã đa dạng hóa các dịch vụ của mình nhằm tối đa hóa lợi nhuận, giảm thiểu rủi ro chi phí.

Rủi ro thời tiết

Nằm ở vùng Nam Trung Bộ, Đà Nẵng là nơi thường xuyên chịu tác động của thiên nhiên khắc nghiệt như bão, lũ,... Đặc biệt trong năm 2023, hiện tượng El Nino tiếp tục duy trì kéo dài đến năm 2024 sẽ khiến các cơn bão nhiệt đới trở nên mạnh hơn và làm tăng nguy cơ mưa, lũ. Ngoài ra, theo Trung tâm dự báo khí tượng thủy văn quốc gia ghi nhận rủi ro thiên tai do mưa lớn, lốc, sét ở khu vực Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng cấp 4 với cường độ lớn trong một thời gian ngắn gây ngập úng tại các khu đô thị. Điều này sẽ gây ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của Công ty, đặc biệt đối với việc quản lý rủi ro và vận hành.

Nhằm giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã xây dựng kế hoạch ứng phó khẩn cấp, tăng cường kiểm soát và duy trì cơ sở hạ tầng, và thực hiện giải pháp môi trường linh hoạt để thích ứng với các thay đổi thời tiết không lường trước. Đồng thời, Công ty luôn chủ động theo dõi thường xuyên diễn biến lũ lụt, mưa bão để có những biện pháp phòng ngừa bảo vệ người và tài sản.

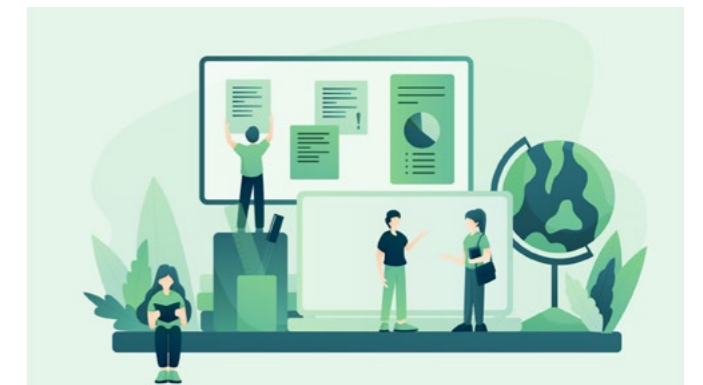
Rủi ro tín dụng thương mại

Việc khách hàng hoặc đối tác kinh doanh không có khả năng đáp ứng các cam kết tài chính của họ như đã thỏa thuận trong hợp đồng sẽ cấu thành rủi ro tín dụng thương mại. Nhiều loại hình cá nhân, doanh nghiệp và tổ chức khác nhau là khách hàng chính sử dụng dịch vụ của Công ty.

Tuy nhiên, vì tính thiết yếu của dịch vụ nên những khách hàng này được thanh toán dịch vụ đầy đủ và đúng hạn; các khách hàng là Cơ quan Nhà nước (như: Sở Tài nguyên & Môi trường và các Quận, Huyện, Thành phố) thanh toán gởi đầu bằng nguồn vốn Ngân sách. Ngoài ra, khi hợp tác với khách hàng trong các lĩnh vực như thu gom chất thải công nghiệp và xử lý bùn thải, Công ty sẽ tiến hành đánh giá toàn diện về khả năng tài chính của họ và thiết lập các thỏa thuận hợp đồng chặt chẽ về tiến độ thanh toán có liên quan trực tiếp đến khối lượng công việc đã hoàn thành. Công ty thường xuyên kiểm tra, đối chiếu số liệu công nợ để kịp thời triển khai và thực hiện các biện pháp thu hồi nợ thiết yếu.

RỦI RO KHÁC

Bên cạnh những yếu tố trên, miền Trung còn được biết tới là nơi có tỷ lệ cao xảy ra các rủi ro mang tính bất khả kháng như thiên tai, hỏa hoạn, bão lũ làm ảnh hưởng xấu đến hoạt động kinh doanh, lợi nhuận của công ty, trong đó có Công ty. Do đó, Công ty luôn chủ động đề phòng và xây dựng các giải pháp ứng phó bằng cách lắp đặt các hệ thống báo cháy, chống cháy, tuyên truyền nâng cao hiểu biết về bệnh dịch. Đồng thời, Công ty đã hỗ trợ ký các hợp đồng bảo hiểm tài sản và con người nhằm nỗ lực hạn chế thiệt hại về người và của.



2

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- 01 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- 02 Tổ chức và nhân sự
- 03 Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
- 04 Tình hình tài chính
- 05 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của CSH
- 06 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty





TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM 2023

Cơ cấu doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% Thay đổi
1	Doanh thu dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt	91.856	97.029	5,63%
2	Doanh thu thu gom rác thải theo đơn đặt hàng của Nhà nước	119.347	124.344	4,19%
3	Doanh thu dịch vụ thu gom và xử lý rác	28.812	37.496	30,14%
4	Doanh thu hoạt động bán thùng rác, chế phẩm sinh học	35	68	97,11%
Tổng cộng		240.049	258.937	7,87%

Tổng kết cả năm, doanh thu tăng trưởng 7,87% so với năm 2022, trong đó đóng góp nhiều nhất đến từ mảng dịch vụ thu gom và xử lý rác (chiếm đến 45,98% sự thay đổi của tổng doanh thu). Một phần nguyên nhân cho sự tăng trưởng này đến từ “mùa vàng” du lịch tại Đà Nẵng. Theo đó, Sở Du lịch TP. Đà Nẵng cho biết năm 2023 đã đón tiếp và phục vụ hơn 7,39 triệu lượt khách, tăng gấp 2 lần so với năm 2022, dẫn đến nhu cầu thu gom xử lý rác thải tại nhà hàng, khách sạn trên địa bàn tăng mạnh. Bên cạnh đó, các đơn đặt hàng của Nhà nước về dịch vụ thu gom rác thải cũng tăng trưởng không kém, ghi nhận tăng 4,19% so với cùng kỳ và vẫn đóng tỷ trọng lớn xấp xỉ 50% tổng doanh thu cả năm. Ngoài ra, ý thức về bảo vệ môi trường của người dân trên địa bàn ngày càng được nâng cao, góp phần làm doanh thu từ mảng hoạt động bán thùng rác, chế phẩm sinh học tăng gần gấp đôi cùng kỳ. Nhìn chung, từ sau đại dịch Covid-19, hoạt động kinh doanh của Công ty đã bước vào giai đoạn tăng

trường ổn định ở tất cả các mảng và điều này sẽ tiếp diễn theo xu hướng sống xanh, sống sạch của người dân.

Song song với kết quả kinh doanh tích cực, tổng chi phí của Công ty trong năm 2023 cũng tăng tương ứng, ghi nhận tăng 7,97% so với cùng kỳ năm trước. Với đặc thù ngành vệ sinh công cộng thâm hụt lao động, chi phí nhân công tiếp tục giữ tỷ trọng lớn nhất, lên đến 51,58% tổng chi phí năm 2023. Ngoài chi phí dịch vụ mua ngoài tăng do nhu cầu đơn hàng tăng đột biến, các chi phí khác đều thay đổi không đáng kể.

Nhìn chung, năm 2023 đi qua với kết quả kinh doanh tăng trưởng tích cực, với doanh thu vượt kế hoạch đề ra và lợi nhuận đạt giá trị xấp xỉ kế hoạch năm 2023 do ĐHCĐ thường niên. Qua đó cho thấy toàn thể cán bộ công nhân viên đã đồng lòng, nỗ lực hết mình dưới sự định hướng, điều hành, lãnh đạo của HĐQT và Ban điều hành của Công ty đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Cơ cấu chi phí

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% Thay đổi
1	Chi phí nguyên liệu, vật liệu	45.098	42.231	-6,36%
2	Chi phí nhân công	125.000	131.157	4,93%
3	Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.914	10.186	2,74%
4	Chi phí dịch vụ mua ngoài	52.377	64.500	23,15%
5	Chi phí khác bằng tiền	3.119	6.199	98,75%
Tổng chi phí		235.507	254.272	7,97%

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2023	Thực hiện 2023	% Kế hoạch/ Thực hiện
1	Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	257.097	258.937	100,72%
2	Lợi nhuận trước thuế	6.966	6.870	98,62%
4	Tỷ lệ chi trả cổ tức tối đa	5%	-	-





TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

DANH SÁCH BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu sở hữu		Tỷ lệ	
			Cá nhân	Đại diện	Cá nhân	Đại diện
1	Ông Võ Minh Đức	TV HĐQT - Tổng Giám đốc	61.625	981.512	1,068%	17,00%
2	Bà Võ Thị Huỳnh Trang	Phó Tổng Giám đốc	86.587	-	1,50%	-
3	Bà Hoàng Thị Ngọc Hiếu	TV HĐQT - Phó Tổng Giám đốc	32.162	981.512	0,557%	17,00%
4	Ông Nguyễn Đăng Huy	Phó Tổng Giám đốc	60.425	-	1,047%	-
5	Ông Diệp Nguyễn Thế Quang	Phụ trách Kế toán	2.900	-	0,05%	-

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH

Trong năm 2023, Công ty không có sự thay đổi trong Ban Tổng Giám đốc và Phụ trách kế toán



GIỚI THIỆU BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN

ÔNG VÕ MINH ĐỨC - TỔNG GIÁM ĐỐC

Ngày sinh: 14/06/1972

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh

Địa chỉ: 206 Trưng Nữ Vương, phường Bình Thuận, quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác
09/1995 - 04/2002	Công tác tại phòng Kế toán Công ty Môi trường Đô thị Đà Nẵng
05/2002 - 04/2005	Đội trưởng Đội Môi trường số 2, Công ty Môi trường Đô thị Đà Nẵng
05/2005 - 07/2005	Phó Giám đốc Trung tâm Dịch vụ vệ sinh đô thị Quận Thanh Khê, Công ty Môi trường Đô thị Đà Nẵng
08/2005 - 12/2005	Quyền Giám đốc Trung tâm Dịch vụ vệ sinh đô thị Quận Thanh Khê, Công ty Môi trường Đô thị Đà Nẵng
01/2006 - 06/2006	Giám đốc Trung tâm Dịch vụ vệ sinh đô thị Quận Thanh Khê
07/2006 - 06/2011	Giám đốc Xí nghiệp Môi trường Thanh Khê
07/2011 - 09/2015	Đảng ủy viên, Bí thư chi bộ, Trưởng phòng Kế hoạch - Đầu tư Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Đà Nẵng
10/2015 - 11/2018	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Môi trường Đô thị Đà Nẵng
12/2018 - nay	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty CP Môi trường Đô thị Đà Nẵng

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- Đại diện cho UBND Thành phố Đà Nẵng: 981.512 cổ phần (17% VDL)
- Cá nhân sở hữu: 61.625 cổ phần (1,068% VDL)
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan khác: Không có



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ (tt)

GIỚI THIỆU BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

BÀ VÕ THỊ HUỖNH TRANG - PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Ngày sinh: 02/08/1975

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Ngoại ngữ

Địa chỉ: 18/51 Ông Ích Khiêm, phường Thanh Bình, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng

BÀ HOÀNG THỊ NGỌC HIẾU - TV HĐQT KIỂM PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Ngày sinh: 19/12/1979

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Sinh thái học

Địa chỉ: 38 Phạm Nhữ Tăng, phường Hòa Khê, quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác
1998 - 2001	Phó Văn phòng hướng dẫn tham quan du lịch Hội An
2002 - 2003	Nhân viên kế toán Công ty CP Vinaconex Quyết Thắng trực thuộc Tổng Công ty CP Vinaconex – Bộ Xây dựng
2004 - 2005	Phó phòng Tài chính – Kế toán Công ty CP Vinaconex Quyết Thắng trực thuộc Tổng Công ty CP Vinaconex – Bộ Xây dựng
2006 – 07/2012	Trưởng phòng Tài chính – Kế toán Công ty CP Vinaconex Quyết Thắng trực thuộc Tổng Công ty CP Vinaconex – Bộ Xây dựng
08/2012 - 2015	Trưởng phòng Tài chính – Kế toán Công ty CP Môi trường Việt Nam
10/2015 – 27/6/2019	Thành viên BKS Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng
10/07/2019 - nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- **Cá nhân sở hữu:** 86.587 cổ phần (1,50% VDL)

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác
01/2002 - 09/2007	Chuyên viên phòng Kỹ thuật Công ty Môi trường Đô thị Đà Nẵng
10/2007 - 06/2008	Phó trưởng phòng Kỹ thuật Công ty
07/2008 - 10/2010	Phó trưởng phòng Công nghệ Môi trường Công ty
11/2010 - 06/2012	Phó Giám đốc Trung tâm Tư vấn đầu tư và Phát triển kỹ nghệ môi trường Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Đà Nẵng
07/2012 - 03/2015	Giám đốc Trung tâm Tư vấn đầu tư và Phát triển kỹ nghệ môi trường
12/2015 - 06/2021	Trưởng phòng Công nghệ Môi trường Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng
06/2021 - nay	TV HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- **Đại diện cho UBND Thành phố Đà Nẵng:** 981.512 cổ phần (17,000% VDL)
- **Cá nhân sở hữu:** 32.162 cổ phần (0,557% VDL)
- **Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan khác:** Không có



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ (tt)

GIỚI THIỆU BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

ÔNG NGUYỄN ĐĂNG HUY - PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Ngày sinh: 01/07/1983

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Sinh – Môi trường

Địa chỉ: : K16/20H Ngô Gia Tự, Thạch Thang, Hải Châu, Đà Nẵng

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác
01/2009 - 10/2011	Nhân viên Xí nghiệp Quản lý bãi & Xử lý chất thải
11/2011 - 3/2018	Phó Giám đốc Xí nghiệp Quản lý bãi & Xử lý chất thải
4/2018 - 15/7/ 2022	Giám đốc Xí nghiệp Quản lý bãi & Xử lý chất thải
16/7/2022 - nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Môi trường Đô Thị Đà Nẵng

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- **Cá nhân sở hữu:** 60.425 cổ phần (1,047% VDL)

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có

GIỚI THIỆU PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN

ÔNG DIỆP NGUYỄN THẾ QUANG - PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN

Ngày sinh: 14/09/1975

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế ngành Kế toán

Địa chỉ: : K112/3 Đường Phạm Ngũ Tằng, phường Hòa Khê, quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác
01/04/2003 - 30/09/2005	Kế toán viên Nhà phân phối Công ty TNHH Happy Cook tại Đà Nẵng
01/10/2005 - 15/07/2009	Kế toán Xí nghiệp Môi trường Sông Biển Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Đà Nẵng
16/07/2009 - 30/11/2019	Nhân viên kế toán Phòng Kế toán Tài vụ CTCP Môi trường Đô thị Đà Nẵng
01/12/2019 - 10/06/2021	Phó trưởng phòng Kế toán Tài vụ CTCP Môi trường Đô thị Đà Nẵng
11/06/2021 - nay	Phụ trách phòng Kế toán Tài vụ, Phụ trách Kế toán CTCP Môi trường Đô thị Đà Nẵng
12/2015 - 06/2021	Trưởng phòng Công nghệ Môi trường Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng
06/2021 - nay	Phụ trách kế toán Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- **Cá nhân sở hữu:** 2.900 cổ phần (0,050% VDL)

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ (tt)

SỐ LƯỢNG CÁN BỘ NHÂN VIÊN

STT	Tính chất phân loại	Năm 2022 (tại thời điểm 31/12/2022)		Năm 2023 (tại thời điểm 31/12/2023)	
		Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
A Theo trình độ lao động					
1	Trình độ đại học, trên đại học	186	16,45%	185	16,77%
2	Trình độ cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	9	0,80%	9	0,82%
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	89	7,87%	89	8,07%
4	Lao động phổ thông	847	74,89%	820	74,34%
B Theo tính chất hợp đồng lao động					
1	Hợp đồng xác định từ 1- 3 năm	35	3,09%	64	5,80%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	1096	96,91%	1039	94,20%
C Theo giới tính					
1	Nam	614	54,29%	605	54,85%
2	Nữ	517	45,71%	498	45,15%
Tổng cộng		1.131	100%	1.103	100%

THU NHẬP BÌNH QUÂN

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
Tổng số lượng người lao động bình quân (người)	1.303	1.288	1.200	1.122
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	7.604.405	7.572.065	7.412.465	8.274.392

CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ



Môi trường công việc

Môi trường công việc của Công ty được thiết kế đảm bảo rằng nhân viên có thể hoạt động hiệu quả với các thiết bị và công nghệ phù hợp để hỗ trợ nhân viên trong việc thực hiện các dự án môi trường đô thị. Bên cạnh đó, Công ty ưu tiên hàng đầu về an toàn lao động và bảo vệ sức khỏe của nhân viên bằng cách đào tạo nhân viên về cách sử dụng và bảo quản thiết bị an toàn; trang bị đầy đủ các thiết bị bảo hộ và tuân thủ các yêu cầu của pháp luật về lao động để giảm thiểu rủi ro trong quá trình thực hiện công việc.



Về đào tạo

Công ty triển khai kế hoạch đào tạo và đề cao trong việc phát triển kỹ năng và kiến thức của nhân viên, điều này hỗ trợ Công ty thích ứng với những thách thức và cơ hội mới trong lĩnh vực môi trường đô thị. Công ty xây dựng kế hoạch đào tạo cụ thể và tổ chức định kỳ để cập nhật kiến thức mới, nâng cao trình độ của nhân viên. Ngoài ra, Công ty đào tạo không chỉ dành cho nhân viên cơ bản mà còn cử các ban quản lý và lãnh đạo tham dự các khóa đào tạo về quản trị nguồn nhân lực, quản trị tài chính để họ có thể hỗ trợ và dẫn dắt Công ty một cách hiệu quả. Đồng thời, Công ty liên tục thu thập phản hồi từ nhân viên và quản lý để đánh giá nhu cầu đào tạo, đảm bảo rằng chính sách đào tạo được điều chỉnh linh hoạt theo thời gian. Chính sách đào tạo trong Công ty đề cao sự linh hoạt và đáp ứng đúng nhu cầu của ngành, đồng thời khích lệ sự phát triển cá nhân và chuyên môn của nhân viên.



Về lương, thưởng, phúc lợi, đãi ngộ

Công ty cam kết thực hiện chính sách trả lương đầy đủ, đúng thời hạn và đánh giá lương định kỳ để đảm bảo công bằng và cạnh tranh trên thị trường lao động. Đồng thời, Công ty cung cấp chính sách thưởng và khen ngợi được áp dụng cho toàn thể nhân viên và có các phần thưởng đặc biệt dành cho các cá nhân, bộ phận đạt thành tích xuất sắc. Hơn nữa, Công ty còn Khuyến khích sự nỗ lực và đóng góp tích cực của nhân viên thông qua việc biểu dương đối với cá nhân sáng tạo và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Các chính sách này để động viên và ghi nhận sự cống hiến của nhân viên.

Ngoài ra, các lợi ích như bảo hiểm y tế, bảo hiểm nhân thọ, tổ chức khám sức khỏe định kỳ, bảo hiểm tai nạn và trợ cấp cho người lao động có hoàn cảnh khó khăn được Công ty tích cực thực hiện và theo đúng thời hạn. Thêm vào đó, Công ty cho người lao động đi nghỉ mát, du lịch mỗi năm 1 lần, tạo điều kiện cho nhân viên cân bằng giữa công việc và cuộc sống cá nhân.



Về tuyển dụng

Chương trình tuyển dụng của Công ty được thực hiện một cách khách quan và đảm bảo tính minh bạch, công bằng cho các ứng viên. Việc ứng tuyển những người có trình độ chuyên môn, đam mê, chủ động và phù hợp với vị trí tuyển dụng là ưu tiên hàng đầu của Công ty. Đồng thời, Công ty còn xây dựng môi trường làm việc mà tất cả nhân sự đều có thể phát huy hết tiềm năng và có được sự nghiệp thăng tiến rõ ràng.





TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN

Trong năm 2023 Công ty đã đầu tư mua sắm để đáp ứng và nâng cao chất lượng phục vụ vệ sinh môi trường đô thị, bãi biển và hoạt động dịch vụ của Công ty:

- » Mua sắm 150 thùng rác 240 lít, 220 thùng rác 660 lít, 42 xe duy trì đẩy tay 660 lít, công cụ dụng cụ, bảo hộ lao động trang bị cho các đơn vị phục vụ công tác sản xuất kinh doanh của Công ty;
- » Tháo dỡ bạt HDPE tại ô chôn lấp số 6 và khu vực hợp phần với các ô chôn lấp số 1-5 để phục vụ công tác vận hành dự án nâng cấp, cải tạo một số hạng mục tại bãi rác Khánh Sơn;
- » Hoàn thành mua sắm 10 xe ép rác 4m³ (1,5 tấn) kiểu cặp thùng, nắp đậy và 04 xe ép rác 7m³ (3 tấn) kiểu cặp thùng, nắp đậy phục vụ cơ giới hoá từ các điểm tập kết về trạm trung chuyển rác thải Lê Thanh Nghị và trạm trung chuyển rác thải Sơn Trà.
- » Hoàn thành mua sắm 01 máy ủi bánh xích Komatsu phục vụ công tác san ủi tại bãi rác Khánh Sơn;
- » Hoàn thành đóng mới 01 xe trung chuyển rác biển và đưa vào sử dụng.





TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% Tăng giảm
1	Tổng giá trị tài sản	151.206	157.498	4,16%
2	Doanh thu thuần	240.049	258.937	7,87%
3	Giá vốn hàng bán	219.266	240.647	9,65%
4	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	7.479	4.028	-46,15%
5	Lợi nhuận khác	530	2.842	436,46%
6	Lợi nhuận trước thuế	8.009	6.870	-14,23%
7	Lợi nhuận sau thuế	7.138	5.719	-19,88%
8	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	5%	-	-

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2022	Năm 2023
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,16	1,37
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,11	1,34
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	50,25	51,46
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	101,01	106,04
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	79,44	90,91
Vòng quay hàng tổng tài sản	Vòng	1,56	1,68
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	2,97	2,21
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	9,41	7,54
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	4,63	3,71
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/Doanh thu thuần	%	3,12	1,56

CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN

Khả năng thanh toán ngắn hạn của Công ty cuối năm 2023 ghi nhận sự cải thiện rõ rệt, tăng từ 1,16 lần lên 1,37 lần. Nguyên nhân chủ yếu cho sự thay đổi này đến từ kết quả kinh doanh khả quan trong năm 2023. Theo đó, nhờ kinh doanh tăng trưởng tốt, Công ty ghi nhận khoản phải thu khách hàng ngắn hạn tăng 18.405 triệu đồng, tương đương tăng 58,22% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, đáng chú ý là phải thu của khách hàng dịch vụ đã tăng gấp đôi cùng kỳ, cho thấy Công ty đã dần tạo được hình ảnh thương hiệu tốt trong lòng người sử dụng dịch vụ. Do đặc thù hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là cung cấp dịch vụ thu gom và xử lý rác thải, cho nên hàng tồn kho của Công ty chỉ chiếm tỷ trọng thấp. Đây cũng là nguyên nhân hệ số thanh toán nhanh và hệ số thanh toán ngắn hạn gần như tương đương nhau.

CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN

Cấu trúc trong nguồn vốn của Công ty thời điểm cuối năm 2023 không thay đổi so với cùng kỳ năm trước. Hệ số nợ/Tổng tài sản tăng từ 50,25% lên 51,46%, đồng thời hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu cùng ghi nhận tăng từ 101,01% lên 106,04%. Nguyên nhân chủ yếu do sự thay đổi ở các khoản mục chi phí phải trả đối với các bên đối tác và cơ quan Thuế. Bên cạnh đó, ngoài các khoản vay ngắn hạn đã được thanh toán hoàn tất trong năm 2023, Công ty có phát sinh vay khoản dài hạn đối với Quỹ đầu tư phát triển Thành phố Đà Nẵng nhằm mục đích mua 14 xe ép rác, đáp ứng nhu cầu vệ sinh ngày càng tăng của người dân trên địa bàn, qua đó làm gia tăng đáng kể nợ phải trả. Tuy nhiên, nhìn chung Công ty đang sử dụng đòn bẩy tương đối thấp so với các doanh nghiệp cùng ngành.

CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG

Với đặc thù doanh nghiệp hoạt động trong mảng dịch vụ, vòng quay hàng tồn kho chưa phản ánh đúng về năng lực hoạt động của Công ty, thay vào đó vòng quay tổng tài sản là thước đo hợp lý cho thấy sự nâng cao hiệu suất hoạt động. Cụ thể, vòng quay tổng tài sản tăng từ 1,56 vòng lên 1,68 vòng chủ yếu do tình hình kinh doanh ghi nhận sự tích cực. Du lịch phát triển trở lại tại Thành phố Đà Nẵng khiến cho nhu cầu xử lý rác thải tăng theo. Tận dụng được cơ hội này, Công ty đẩy mạnh hoạt động dịch vụ vệ sinh đến các nhà hàng, khách sạn trên địa bàn, nhờ đó tổng doanh thu tăng trưởng 7,87% so với cùng kỳ. Đây là kết quả minh chứng cho sự nâng cao trong năng lực điều hành của Ban lãnh đạo Công ty, cũng như năng suất lao động của toàn thể cán bộ công nhân viên.

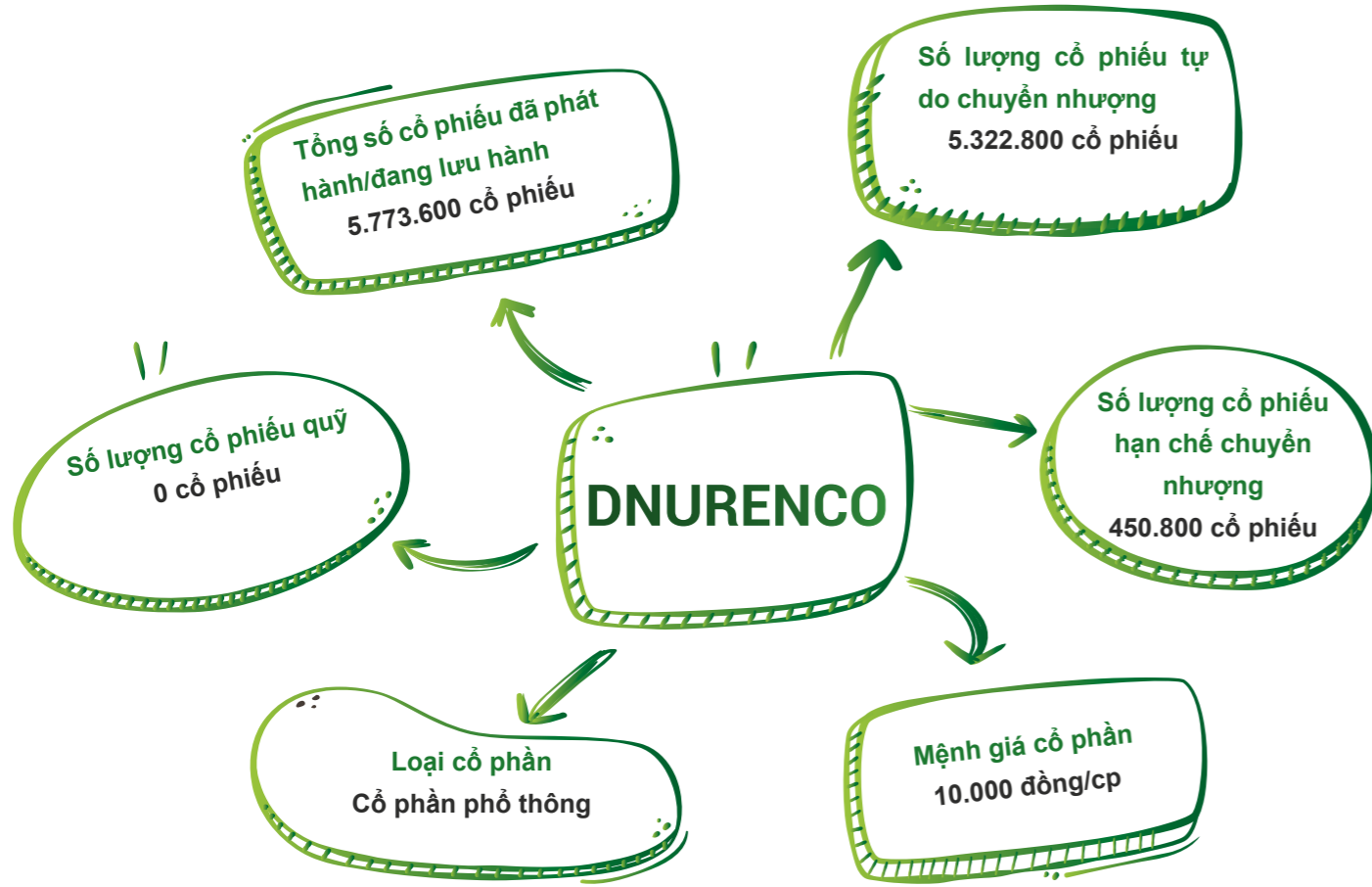
CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI

Mặc dù gặt hái kết quả thành công nhờ tận dụng tốt cơ hội du lịch bùng nổ, các chi phí như giá vốn hàng bán, chi phí quản lý doanh nghiệp và đặc biệt là chi phí tài chính đã bào mòn lợi nhuận trước thuế của Công ty. Cụ thể, do phát sinh khoản vay để đáp ứng nhu cầu đầu tư mua 14 xe ép rác đã dẫn tới chi phí tài chính tăng từ 38 triệu đồng năm 2022 lên 677 triệu đồng năm 2023 (tất cả đều là chi phí lãi vay). Do đó, mặc dù doanh thu thuần ghi nhận tăng 7,87% nhưng lợi nhuận trước thuế giảm 14,23%, trong khi lợi nhuận sau thuế lại giảm 19,88%. Điều này dẫn tới tất cả các hệ số về khả năng sinh lời đều giảm so với năm 2022. Tuy nhiên, với xu hướng sống xanh, sống sạch, nhu cầu về vệ sinh môi trường sẽ ngày càng tăng và các khoản đầu tư ở năm 2023 sẽ là bước đệm cho sự phát triển mạnh mẽ trong những năm sau.



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

CỔ PHẦN



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Tính tại ngày 30/11/2023

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông Nhà nước	1	2.944.536	29.445	51%
II	Cổ đông trong nước	847	5.706.100	57.061	98,83%
1	Cá nhân	842	1.980.034	19.800	34,29%
2	Tổ chức	5	3.726.066	37.261	64,54%
III	Cổ đông nước ngoài	7	67.500	675	1,17%
1	Cá nhân	5	22.500	225	0,39%
2	Tổ chức	2	45.000	450	0,78%
Tổng cộng (II+III)		854	5.773.600	57.736	100%

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 0% theo Công văn số 8620/UBCK-PTTT của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 16/12/2021 về Thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty.

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

Tại ngày 31/12/2023

STT	Tên	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL
1	UBND Thành phố Đà Nẵng	2.944.536	51,00%
2	Công ty Cổ phần Dịch vụ Môi trường Đà Nẵng	771.987	13,37%
Tổng cộng		3.716.523	64,37%

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Kể từ khi hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, Công ty không có phát hành tăng vốn điều lệ.

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

Không có

CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC

Không có





BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

TÁC ĐỘNG LÊN MÔI TRƯỜNG

Biến đổi khí hậu đang là một vấn đề cấp bách của toàn cầu, trong đó nguyên nhân lớn là từ khí thải nhà kính. Đặc biệt, Việt Nam là một quốc gia đang phát triển với tốc độ đô thị hóa và công nghiệp hóa nhanh chóng. Điều này dẫn đến gia tăng phát thải khí nhà kính, phá vỡ sự cân bằng sinh thái và ảnh hưởng tiêu cực đến sức khỏe con người, gây ra những hậu quả nghiêm trọng đối với môi trường và phát triển kinh tế - xã hội. Với việc hoạt động trong ngành môi trường và xử lý chất thải là lĩnh vực chính, Công ty nhận thức rõ các tác động của các yếu tố môi trường ảnh hưởng đến sức khỏe con người và năng suất của công ty.

Vì vậy, Công ty sử dụng các kỹ thuật phù hợp, đảm bảo đúng quy trình, quy định trong công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn có thể giảm lượng khí thải; sử dụng nhiên liệu sinh học và tuân thủ các tiêu chuẩn về môi trường, đồng thời đầu tư vào thiết bị hiện đại và công nghệ xử lý tiên tiến có thể giảm lượng khí thải và tăng hiệu suất xử lý. Công ty luôn nâng cao trách nhiệm trong mọi hoạt động kinh doanh nhằm tạo ra giá trị bền vững cho môi trường và cộng đồng xung quanh. Cụ thể, thực hiện xử lý chất thải tại bãi rác Khánh Sơn theo đúng quy trình đã được Ủy Ban nhân dân thành phố Đà Nẵng phê duyệt, hạn chế đến mức thấp nhất tình trạng phát tán mùi hôi, không để xảy ra sự cố môi trường tại khu vực bãi rác. Phối hợp thường xuyên với chính quyền, người dân phường Hòa Khánh Nam, quận Liên Chiểu để giám sát, tiếp thu ý kiến đóng góp, phản ánh kịp thời xử lý bảo đảm môi trường, sức khỏe người dân địa phương.

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ TRÁCH NHIỆM VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Công ty luôn đề cao sự tuân thủ pháp luật và bảo vệ môi trường về việc thu gom các chất thải nguy hại và quản lý chất thải rắn sinh hoạt lên hàng đầu, đồng thời đảm bảo làm đúng quy trình để hạn chế lượng chất thải rắn, chất thải nguy hại phát sinh. Trong quá trình đó, nếu phát hiện vi phạm pháp luật về môi trường của đơn vị, cơ sở, Công ty sẽ có những biện pháp thông báo kịp thời cho các cơ quan có thẩm quyền để xử lý.

QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

Việc quản lý chất lượng các trang thiết bị là rất quan trọng để đảm bảo sự bền vững và giảm thiểu tác động tiêu cực đối với môi trường của Công ty. Khi các thiết bị được bảo quản và tuân thủ theo các tiêu chuẩn kỹ thuật và quy định của Nhà nước, sẽ góp vai trò tích cực trong việc điều hành và kiểm soát hoạt động kinh doanh của Công ty. Chế phẩm sinh học L2100CHV (BioBug WHC) sử dụng năm 2023 của Công ty là 7.714,5 lít. Với việc mua, sử dụng vật liệu và thiết bị trong nước, bao gồm cả thiết bị điện và xe chuyên dụng, giúp Công ty cắt giảm chi phí vận chuyển và thúc đẩy nền kinh tế trong nước. Ngoài ra, Công ty đảm bảo rằng sản phẩm của doanh nghiệp đáp ứng các yêu cầu về chất lượng và an toàn do Nhà nước quy định bằng cách tìm nguồn cung ứng trong nước.

Thêm vào đó, Công ty liên tục theo dõi và đánh giá tình trạng nguồn nguyên vật liệu để xác định mức độ bền vững và tác động môi trường nhằm đảm bảo rằng các trang thiết bị đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và hiệu quả nhất, đặc biệt hạn chế các lỗi kỹ thuật không đáng có phát sinh. Hơn nữa, Công ty khuyến khích sử dụng sản phẩm một cách tối ưu đối với những công việc mang tính chuyên môn cao để tiết kiệm chi phí và giúp cho hoạt động kinh doanh gia tăng năng suất lao động. Không những vậy, Công ty còn triển khai kế hoạch đào tạo nhân sự về quản lý nguồn nguyên vật liệu, đồng thời tái sử dụng, tái chế các phụ tùng và vật liệu có thể giảm thiểu lãng phí và tiêu tốn nguyên vật liệu mới. Công ty thúc đẩy sự bền vững bằng cách khuyến khích các nhà cung cấp thực hiện các chính sách và tiêu chuẩn môi trường trong chuỗi cung ứng góp phần vào tiết kiệm chi phí, tăng thêm lợi nhuận cho Công ty và xây dựng một môi trường xanh, sạch, đẹp.

TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG VÀ NƯỚC

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị sử dụng trong năm
Tổng lượng năng lượng tiêu thụ (điện)	kwh	224.673
Tổng lượng nước sử dụng (thủy cục) (*)	m ³	250

(*) Tại trụ sở chính Công ty

Để đảm bảo an toàn cho người dân, giữ gìn vẻ đẹp đô thị đồng thời giảm thiểu chi tiêu từ ngân sách địa phương, Công ty đã xây dựng chiến lược tiết giảm hợp lý cho từng địa điểm và thời gian. Công ty đã lên kế hoạch thực hiện các hoạt động tiết kiệm năng lượng hiệu quả nhằm hạn chế tiêu thụ năng lượng và tăng cường tính bền vững. Hằng năm, Công ty luôn tiến hành kiểm tra hiệu suất năng lượng của các thiết bị, máy móc và hệ thống làm việc trong công ty nhằm tối ưu hóa trong khâu vận hành và đảm bảo sử dụng năng lượng hiệu quả.

Đồng thời, Công ty nâng cấp, thay thế các thiết bị và hệ thống sử dụng công nghệ tiết kiệm năng lượng; đầu tư vào các giải pháp công nghệ mới, như hệ thống chiếu sáng LED, và hệ thống điều hòa không khí hiệu quả,... Trong đó, Thành phố Đà Nẵng ghi nhận việc sử dụng bóng đèn LED trong hệ thống chiếu sáng đã giúp giảm chi phí sản xuất, tăng năng suất và chất lượng chiếu sáng thay vì bóng đèn truyền thống. Công ty còn tổ chức các buổi đào tạo cho nhân viên về cách tiết kiệm năng lượng và tạo ý thức về việc tắt thiết bị khi không sử dụng.

Các hoạt động chăm sóc, bảo trì cây cảnh, vệ sinh và sinh hoạt hàng ngày tại trụ sở chính của Công ty đều sử dụng nguồn nước thủy cục với lượng nước tiêu thụ trong năm 2023 là 250 m³. Năm bắt được việc nước là nguồn tài nguyên quý giá, Công ty đặt ra tiêu chuẩn và hướng dẫn quản lý tiêu thụ nước trong quá trình thực hiện các dự án môi trường, đồng thời tổ chức các buổi đào tạo cho nhân viên về việc sử dụng nguồn nước một cách hợp lý trong công việc hàng ngày.





BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Công ty hiểu rằng chính sách đối với người lao động đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo sức khỏe, an toàn, phúc lợi và phát triển nghề nghiệp của nhân viên. Do đó, Công ty triển khai ký kết các hợp đồng bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của Luật Lao động. Đồng thời, Công ty cung cấp mức lương cơ bản, công bằng dựa trên năng lực mà cá nhân hoàn thành và xác định các chính sách thưởng, khen ngợi để động viên nhân viên. Kết hợp với đó, Công ty tổ chức khóa đào tạo, hỗ trợ nhân sự nhằm nâng cao kỹ năng chuyên môn và phát triển cá nhân. Bên cạnh đó, Công ty thiết lập chính sách đa dạng, chuyên nghiệp và đảm bảo đối xử công bằng nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ nhân viên được phát huy hết khả năng và đạt được mục tiêu cá nhân. Công ty cho phép nhân viên nghỉ lễ và nghỉ phép không lương theo quy định của Nhà nước, khuyến khích một môi trường làm việc cân bằng giữa nhu cầu giải trí và công việc.

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
Tổng số lượng người lao động bình quân (người)	1.303	1.288	1.200	1.122
Tổng thu nhập bình quân ước tính (đồng/người/tháng)	7.604.405	7.572.065	7.412.465	8.274.392



BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Cùng với việc thực hiện nhiệm vụ hoạt động kinh doanh của Hội đồng quản trị và Cổ đông giao phó, với ý thức trách nhiệm cộng đồng, Công ty có những biện pháp và hoạt động nhằm hỗ trợ và đóng góp vào sự phát triển bền vững và cải thiện chất lượng cuộc sống của cộng đồng. Qua đó, tăng cường thông tin và giáo dục cộng đồng về các vấn đề môi trường và các biện pháp bảo vệ môi trường, tạo sự nhận thức và sự đồng tình từ cộng đồng; xây dựng mối quan hệ đối tác với các tổ chức và cơ quan địa phương để cùng nhau giải quyết các vấn đề và thách thức môi trường và xã hội. Điều này không những nâng cao hình ảnh Công ty mà còn đóng góp tích cực vào cộng đồng địa phương thông qua sự hỗ trợ, tương tác, và làm việc cùng nhau.

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG THỊ TRƯỜNG VỐN XANH

Là một công ty đại chúng và đang đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, Công ty nhận thức được vai trò của tăng trưởng xanh đối với sự phát triển kinh tế của một tổ chức và rộng hơn là quốc gia. DNE sẵn sàng và chủ động tham gia các kế hoạch hành động liên quan hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN.

3

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- 01 Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- 02 Tình hình tài chính
- 03 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- 04 Kế hoạch phát triển trong tương lai
- 05 Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán
- 06 Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty



DNURENCO





ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2023

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	%Năm 2023/ Năm 2022
Doanh thu thuần	240.049	258.937	107,87%
Lợi nhuận kế toán trước thuế	8.009	6.870	85,77%
Lợi nhuận sau thuế	7.138	5.719	80,12%

Năm 2023 ghi nhận sự tăng trưởng tích cực trong hoạt động kinh doanh của DNE. Cụ thể, nhờ sự phát triển của du lịch và ý thức sống xanh của người dân trên địa bàn, doanh thu thuần của Công ty ghi nhận tăng trưởng 7,87% so với năm 2022. Trước nhu cầu về môi trường xanh, sạch, đẹp ngày càng tăng, Ban Lãnh đạo Công ty ra quyết định đầu tư phương tiện vệ sinh môi trường, đồng thời tiếp tục triển khai xây dựng, nâng cấp mở rộng khu xử lý chất thải nguy hại tại bãi rác Khánh Sơn; Đầu tư và đưa vào hoạt động Trung tâm Điều hành sản xuất tập trung của Công ty. Do đó, Công ty phát sinh nhu cầu tài chính và đã tài trợ bằng cách khoản vay dài hạn, dẫn đến chi phí tài chính của Công ty tăng mạnh, ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán trước và sau thuế. Tuy nhiên, Ban Lãnh đạo xét thấy sự ảnh hưởng này là ngắn hạn và tác động không đáng kể so với kế hoạch phát triển bền vững trong tương lai của Công ty.

THUẬN LỢI

- » Đà Nẵng đã và đang là một trong những thành phố hướng đến sự phát triển du lịch gắn với các sự kiện văn hóa lễ hội mang tầm vóc quốc tế. Do đó, Công ty may mắn có được sự ủng hộ của chính quyền thành phố Đà Nẵng các cấp và mối quan hệ chặt chẽ với các ban ngành địa phương tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động kinh doanh liên quan đến môi trường của Công ty được thực hiện suôn sẻ.
- » Tình hình kinh tế - xã hội thành phố Đà Nẵng 2023 tiếp tục phục hồi, duy trì và tăng nhẹ với tổng sản phẩm xã hội trên địa bàn (GRDP) tăng 2,58% so với năm 2022. Đồng thời, năm 2023 Đà Nẵng tập trung khơi thông các nguồn lực, thu hút đầu tư; giữ vững tăng trưởng kinh tế và đảm bảo an sinh xã hội. Điều này vừa là thách thức vừa là cơ hội lớn đối với Công ty khi mà các hoạt động bảo vệ môi trường của người dân và khách du lịch tại đây ngày càng được quan tâm và chú trọng.
- » Công ty có được sự ổn định trong hoạt động kinh doanh theo hướng bền vững, giúp bảo vệ môi trường và cộng đồng. Các nhu cầu về bảo vệ môi trường đã được đáp ứng trong nhiều năm bởi đội ngũ công nhân lành nghề, có trình độ chuyên môn phù hợp của Công ty. Cùng với đó là tinh thần trách nhiệm cao cả, nghị lực, sáng tạo, đoàn kết, tương trợ lẫn nhau của Công ty, tất cả đều góp phần thúc đẩy sự phát triển của Công ty.
- » Cùng với các dịch vụ hiện có, Công ty cung cấp thêm các sản phẩm như đại lý thùng rác, chế phẩm sinh học, đồng thời tư vấn kỹ nghệ môi trường không chỉ tạo ra giá trị lợi nhuận cho doanh thu Công ty mà còn đóng góp tích cực vào bảo vệ môi trường và phát triển bền vững của cộng đồng địa phương.

KHÓ KHĂN

- » Biến đổi khí hậu là vấn đề mang tính toàn cầu, trong đó miền Trung là nơi nhạy cảm và chịu tác động mạnh nhất về vấn đề biến đổi khí hậu như là các cơn bão áp thấp nhiệt đới, những trận mưa lớn, ngập lụt,... Trong năm vừa qua, Đà Nẵng thường xuyên phải đối mặt với bão lũ, xâm nhập mặn, xói lở bờ biển và các hiện tượng thời tiết cực đoan khác, điều này đã tác động không nhỏ đến hoạt động kinh doanh của Công ty trong quá trình thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải.
- » Với việc cơ sở hạ tầng được đưa vào xây dựng và sử dụng ngày một nhiều so với tốc độ tăng trưởng dân số đã gây ra tình trạng tồn đọng các công trình với khối lượng làm việc lớn. Điều này còn làm tăng ô nhiễm công nghiệp và gây ảnh hưởng tiêu cực cho môi trường.
- » Công ty đang dần tiếp cận và áp dụng những công nghệ mới, ứng dụng trang thiết bị hiện đại để nâng cao chất lượng phục vụ trong công tác thu gom, vận chuyển, xử lý và tái chế chất thải rắn, điều này yêu cầu mức đầu tư lớn và gặp khó khăn về mặt chi phí.

NHỮNG TIẾN BỘ CÔNG TY ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC

Trong năm 2023, Công ty đã thực hiện các khoản đầu tư để nâng cấp các thiết bị và phương tiện phục vụ cho hoạt động kinh doanh, bao gồm việc mua sắm xe chở rác, xe ép rác và nhiều thiết bị khác. Những cải tiến này đã đóng vai trò quan trọng trong việc tăng cường hiệu quả hoạt động, giảm thiểu thời gian và cải thiện chất lượng dịch vụ của Công ty. Kết quả là, Công ty đã tăng đáng kể độ tin cậy và đáp ứng một cách hiệu quả các yêu cầu của khách hàng. Nhờ vào những cải tiến này, vị thế của Công ty trong ngành thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải đã được tăng cường đáng kể.





TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI SẢN

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022		Năm 2023		% Tăng giảm
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Tài sản ngắn hạn	76.327	51,36%	95.360	60,55%	24,94%
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.755	9,12%	10.886	6,91%	-20,86%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	12.181	8,07%	14.817	9,41%	21,64%
Các khoản phải thu ngắn hạn	43.404	29,54%	63.668	40,42%	46,69%
Hàng tồn kho	3.214	2,13%	2.080	1,32%	-35,29%
Tài sản ngắn hạn khác	3.773	2,50%	3.909	2,48%	3,61%
Tài sản dài hạn	74.879	48,64%	62.138	39,45%	-17,02%
Phải thu dài hạn	2.600	0,73%	2.600	1,65%	0,00%
Tài sản cố định	49.260	32,65%	51.009	32,39%	3,55%
Tài sản dở dang dài hạn	17.863	11,84%	3.281	2,08%	-81,63%
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-	-	-
Tài sản dài hạn khác	5.156	3,42%	5.249	3,33%	1,79%
Tổng tài sản	151.206	100,00%	157.498	100,00%	4,16%

Tài sản cố định hữu hình	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ Nguyên giá
Nhà cửa, vật kiến trúc	28.835	7.476	25,93%
Máy móc, thiết bị	2.465	2281	92,54%
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	104.780	62.267	59,43%
Thiết bị, dụng cụ quản lý	498	414	83,13%
Tổng cộng	136.577	86.321	63,20%
Tài sản cố định vô hình	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ Nguyên giá
Phần mềm máy tính	1.136	753	66,29%

TÌNH HÌNH TÀI SẢN

Tổng tài sản của Công ty ghi nhận tăng 4,16% so với thời điểm cuối năm 2023. Mặc dù vậy, sự thay đổi trong tài sản ngắn hạn và dài hạn trái ngược với nhau. Trong khi các khoản phải thu ngắn hạn tăng 46,69% so với cùng kỳ, khiến tổng tài sản ngắn hạn tăng 24,94% thì sự sụt giảm trong tài sản dở dang dài hạn đã khiến tài sản dài hạn giảm 17,02%. Theo đó, tỷ trọng tài sản dài hạn trong tổng tài sản đã giảm xuống dưới 40%. Cũng nhờ hoạt động kinh doanh tích cực, các khoản phải thu ngắn hạn đã chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng tài sản, ghi nhận 40,42% (cùng kỳ năm 2022 lớn nhất là tài sản cố định chiếm 29,54%).

ĐVT: Triệu đồng

TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

Chỉ tiêu	Năm 2022		Năm 2023		% Tăng giảm
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Nợ ngắn hạn	65.662	86,42%	69.433	85,66%	5,74%
Phải trả người bán ngắn hạn	21.183	27,88%	9.132	11,27%	-56,89%
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	291	0,38%	291	0,36%	-0,06%
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.964	2,59%	4.475	5,52%	127,82%
Phải trả người lao động	8.179	10,76%	7.367	9,09%	-9,92%
Chi phí phải trả ngắn hạn	3.169	4,17%	11.120	13,72%	250,90%
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	31.761	41,80%	37.918	46,78%	19,39%
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	304	0,40%	1.314	1,62%	332,25%
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-1.189	-1,56%	-2.185	-2,70%	83,75%
Nợ dài hạn	10.321	13,58%	11.623	14,34%	12,62%
Phải trả dài hạn	2.837	3,73%	7.881	9,72%	177,76%
Phải trả dài hạn khác	7.483	9,85%	3.742	4,62%	-50,00%
Tổng nợ phải trả	75.983	100,00%	81.056	100,00%	6,68%

Trong cơ cấu nợ phải trả của Công ty chủ yếu là nợ ngắn hạn, chiếm tỷ trọng 85,66% và đạt 69.433 triệu đồng, tăng 5,74% so với cuối năm trước. Trong cơ cấu nợ ngắn hạn, chiếm phần lớn vẫn là phải trả ngắn hạn khác của UBND Thành phố Đà Nẵng (là các khoản phải trả liên quan đến cổ phần hóa và giá trị tài sản được Ngân sách đầu tư phải trả lại cho UBND Thành phố Đà Nẵng). Ngoài ra, nợ dài hạn của Công ty ghi nhận tăng 12,62%, đạt 11.623 triệu đồng do vay dài hạn tài trợ cho nhu cầu tài chính đầu tư phương tiện vệ sinh.



NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Trong năm 2023, mặc dù nền kinh tế quốc gia và thành phố Đà Nẵng đối mặt với hàng loạt khó khăn và thách thức, cán bộ, nhân viên và người lao động của Công ty đã không ngừng nỗ lực và cố gắng không chỉ đáp ứng các chỉ tiêu kinh doanh đã đề ra mà còn bảo toàn vốn do UBND thành phố giao, đảm bảo hoạt động có lãi, duy trì lợi nhuận và tỷ lệ chia cổ tức hợp lý cho cổ đông, bên cạnh việc ổn định thu nhập và cải thiện đời sống cho người lao động trong Công ty.

Với cam kết không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ vệ sinh môi trường và cảnh quan đô thị, Công ty đã tích cực thúc đẩy việc cơ giới hóa các hoạt động thu gom và vận chuyển rác thải, đồng thời cải tiến lịch trình thu gom và vận chuyển để nâng cao hiệu quả. Nỗ lực này đã giúp Công ty đã và đang duy trì ổn định thị phần sản xuất kinh doanh trong giai đoạn 2022 - 2024, đồng thời tạo dựng nền tảng vững chắc cho các định hướng phát triển trong tương lai.

Công ty cũng thường xuyên dành sự quan tâm đặc biệt đến đời sống vật chất và tinh thần của cán bộ công nhân viên (CB.CNV), tăng cường các khóa tập huấn an toàn lao động,...qua đó xây dựng một tập thể đoàn kết, thống nhất cao với tinh thần đùm bọc, giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống, từ đó củng cố mối gắn kết giữa nhân viên với doanh nghiệp.

Đặc biệt, trong các dịp lễ, Tết và các sự kiện chính trị quan trọng diễn ra tại địa phương, Công ty luôn chủ động tăng cường nhân lực và phương tiện để đảm bảo môi trường xung quanh luôn trong tình trạng sạch sẽ, góp phần vào việc nâng cao chất lượng sống và hình ảnh của thành phố Đà Nẵng.



CƠ GIỚI HÓA TRONG CÔNG TÁC VỆ SINH ĐƯỜNG PHỐ

Công ty đã và đang thực hiện nâng cao chất lượng vệ sinh môi trường. Bên cạnh công tác quét và duy trì vệ sinh đường phố bằng thủ công, Công ty đã đầu tư xe quét đường hiện đại đảm bảo công tác vệ sinh đường phố.

Đối với việc đưa xe quét đường vào sử dụng sẽ đảm bảo an toàn, hiệu quả đối với việc quét rải phân cách của các tuyến đường có mật độ giao thông cao. Đây mạnh cơ giới hóa tạo mỹ quan đô thị, an toàn lao động, giảm thiểu được tai nạn giao thông.



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2024
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	270.810
2	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	6.930
3	Tỷ lệ chi trả cổ tức/VĐL	%	5

Trong thời gian tới Công ty sẽ tiếp tục đổi mới để phát triển; Tăng cường ứng dụng cơ giới hóa trong các hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty; đầu tư để đổi mới, thay thế các thiết bị, công nghệ lạc hậu bằng các thiết bị, công nghệ hiện đại cho phù hợp với yêu cầu, xu thế hiện tại và tương lai.

GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Không có





BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG

Hiện nay, Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng đang hoạt động trong lĩnh vực môi trường đô thị cho nên những vấn đề liên quan đến các chỉ tiêu môi trường và trách nhiệm xã hội là một phần quan trọng của quá trình quản lý môi trường trong công ty. Ban Tổng giám đốc thường xuyên xem xét và đưa ra đánh giá về chỉ tiêu môi trường để đảm bảo rằng công ty đang hoạt động theo các tiêu chuẩn và cam kết bền vững.

Để đánh giá chỉ tiêu môi trường của Công ty, Ban Tổng Giám đốc thường tập trung vào một số khía cạnh chính như: sử dụng năng lượng, quản lý chất thải và tái chế, bảo vệ nguồn nước, tương tác với cộng đồng và sự tuân thủ pháp lý,... để đo lường mức độ bền vững và trách nhiệm môi trường.

Năm 2023, Công ty đã thực hiện rất tốt các chỉ tiêu trên thông qua các hoạt động kinh doanh thường ngày, cũng như phục vụ vệ sinh môi trường đối với một số sự kiện Du lịch tại TP. Đà Nẵng. Năm 2023, Công ty cũng đã được Thành phố tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND Thành phố Đà Nẵng cho tập thể hoàn thành xuất sắc trong công tác tổ chức Lễ hội pháo hoa quốc tế Đà Nẵng năm 2023 (Quyết định số 1498/QĐ-UBND ngày 18/7/2023 của UBND thành phố Đà Nẵng).

Ngày 09/06/2023, Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng đã triển khai công tác phục vụ vệ sinh môi trường Lễ hội Pháo hoa Quốc tế Đà Nẵng DIFF 2023 và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. UBND Tp.Đà Nẵng đã đánh giá cao nỗ lực của công nhân vệ sinh môi trường của Công ty đã làm rất tốt công tác vệ sinh trong đêm bắn pháo hoa đầu tiên và cần phát huy trong những đêm tiếp theo.

Ngoài công tác thực hiện vệ sinh đô thị thường xuyên, Công ty tăng cường thực hiện các công việc như:

- Phối hợp với các chủ đầu tư, tổ chức đoàn thể tổng dọn vệ sinh môi trường, tăng cường quét dọn vệ sinh sạch sẽ không để rác lá cây, phế thải xây dựng lưu cữu trên đường phố.
- Di chuyển và tập kết nâng gấp thùng rác một cách hợp lý, quét dọn điểm nâng sạch sẽ, gọn gàng không để thùng.
- Lắp đặt và bố trí thêm 51 nhà vệ sinh, trong đó, khu vực bãi bắn 8, kho pháo 1, khán đài 28 và 14 tại các khu công cộng tập trung đông người; bố trí 140 thùng rác các loại, trong đó, khu vực khán đài, bãi bắn 60 thùng, khu vực công cộng 80 thùng. 200 lao động, 10 xe chuyên dụng các loại cũng được tăng cường để phục vụ lễ hội.



- Tăng cường công tác vệ sinh môi trường trong các đợt bắn với 16 tuyến đường và khu vực xung quanh, 4 cây cầu và tăng cường vớt rác dọc tuyến sông Hàn. Thời gian tổng dọn vệ sinh hoàn thành tại các tuyến đường, cây cầu và nơi công cộng tập trung đông người cơ bản hoàn thành lúc 1h ngày hôm sau của các đêm bắn.

Bên cạnh đó, các Xí nghiệp của Công ty cũng tích cực tổng vệ sinh tại các khu vực được giao như:

- Xí nghiệp Môi trường Sơn Trà bố trí công nhân bên trong khu vực khán đài và huy động toàn bộ công nhân viên Xí nghiệp thực hiện thu gom, quét dọn và tổng dọn vệ sinh ngay trong 5 đêm diễn ra cuộc thi. Xí nghiệp này hoàn thành sạch sẽ không để lại rác thải, bao ny lon trên các tuyến đường khu vực ngoài khán đài, các cây cầu trên địa bàn quản lý trước 1h sáng ngày hôm sau.

Xí nghiệp Môi trường Sơn Trà cũng chủ động liên hệ với Xí nghiệp Vận chuyển bố trí tăng cường thêm 2 xe cuốn ép loại 7 tấn trong các ngày của đợt bắn để thực hiện thu gom dứt điểm lượng rác phát sinh ngoài lộ trình các tuyến đường xung quanh khán đài nhằm đảm bảo mỹ quan môi trường đô thị.

- Xí nghiệp Môi trường Hải Châu bố trí lao động thường xuyên duy trì vệ sinh hành lang đi bộ, bồn hoa đường Bạch Đằng, các tuyến đường trung tâm, khu vực vui chơi giải trí trên địa bàn.

Riêng khu vực cầu sông Hàn – cầu Rồng và các khu vực xung quanh và đường dẫn lên cầu, bao gồm cả khu vực đường dẫn, các bãi đất trống dưới chân cầu Thuận Phước, Xí nghiệp thực hiện duy trì và tổng dọn vệ sinh theo địa bàn quản lý.

Thường xuyên theo dõi lượng rác phát sinh trong xuống đặt tại khu vực Sông Hà để phối hợp với Xí nghiệp Vận chuyển nâng cầu kịp thời tránh tình trạng rác tràn xuống gây ô nhiễm và mất mỹ quan.

- Xí nghiệp Môi trường Sông biển thực hiện tăng cường vớt rác trên sông Hàn đoạn từ cầu Trần Thị Lý đến cầu Thuận Phước trước và trong các ngày tổ chức 5 đợt bắn pháo hoa.



Vệ sinh công ích



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY (tt)

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN VẤN ĐỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Công ty chú trọng quá trình quản lý tổ chức và vai trò của người lao động đảm bảo rằng Công ty duy trì một môi trường làm việc tích cực, an toàn, và đảm bảo sức khỏe cũng như phúc lợi cho nhân viên. Do đó, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc hợp tác chặt chẽ với công đoàn để bảo vệ quyền lợi của người lao động.

Thêm vào đó, Công ty thu thập ý kiến và phản hồi từ nhân viên về chất lượng công việc và những khía cạnh cần cải thiện, từ đó xem xét kế hoạch và cơ hội phát triển nghề nghiệp cho từng nhân viên, đồng thời đảm bảo sự phát triển công bằng và bền vững. Các hoạt động an sinh xã hội mà công ty có thể đã triển khai bao gồm:

- Chế độ lương và phúc lợi: Đảm bảo lương bổng cạnh tranh và các chế độ phúc lợi tốt như bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, và các khoản thưởng.
- Đào tạo và phát triển: Cung cấp các cơ hội đào tạo để nâng cao kỹ năng nghề nghiệp, đáp ứng yêu cầu công việc và thúc đẩy sự nghiệp của nhân viên. Ngày 15 -16/11/2023, Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Đà Nẵng đã phối hợp với Chương trình “Thành phố Sạch, Đại Dương Xanh” (gọi tắt là Chương trình CCBO) do Cơ quan phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID) tài trợ, tổ chức tập huấn cho 200 công nhân lao động của Công ty nhằm nâng cao kỹ năng kĩ năng an toàn lao động cho công nhân thu gom, vận chuyển rác tại thành phố Đà Nẵng và nâng cao năng lực vận hành bãi chôn lấp hợp vệ sinh.
- Môi trường làm việc an toàn và lành mạnh: Tạo điều kiện làm việc an toàn, vệ sinh, trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ lao động, nhất là trong lĩnh vực vệ sinh công cộng, nơi có thể tiếp xúc nhiều với chất thải và các mối nguy hại khác.
- Hỗ trợ xã hội: phối hợp với các cơ quan ban ngành, tổ chức đoàn thể, xã hội hỗ trợ các chương trình về nhà ở cho người lao động khó khăn, các chương trình tư vấn,...

Nguồn nhân lực

Năm 2023, dù gặp nhiều khó khăn nhưng CTCP Môi trường đô thị Đà Nẵng vẫn xác định người lao động là vốn quý, tập trung chăm lo, bảo đảm quyền lợi. Đồng thời, mong muốn đoàn viên, người lao động nỗ lực trong lao động sản xuất, tiếp tục đồng hành doanh nghiệp vượt qua khó khăn, góp sức phát triển kinh tế - xã hội thành phố Đà Nẵng.

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Trách nhiệm của Công ty đối với cộng đồng địa phương là một phần quan trọng trong việc hướng tới môi trường làm việc bền vững, phát triển và đóng góp tích cực cải thiện chất lượng cuộc sống của cộng đồng. Công ty luôn quan tâm và hỗ trợ người dân địa phương như là thăm hỏi gia đình khó khăn, hỗ trợ tài chính cho các học sinh nghèo hiếu học, hỗ trợ đối tác với tổ chức phi lợi nhuận và cộng đồng địa phương và hoàn thành tốt các dịch vụ trực tiếp và gián tiếp mà Công ty cung cấp cho cộng đồng. Điều này không chỉ giúp Công ty góp phần ảnh hưởng tích cực mà còn định rõ các cơ hội để cải thiện và phát triển những hoạt động xã hội và môi trường bền vững giữa công ty và cộng đồng.



4

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- 01** Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội
- 02** Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty
- 03** Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị





ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2023

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2023	Thực hiện năm 2023	Thực hiện/Kế hoạch
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	257.097	258.937	100,72%
2	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	6.966	6.870	98,62%
3	Tỷ lệ chi trả cổ tức/VĐL	%	5	-	-

Tổng doanh thu tăng trưởng tích cực nhờ sự trở lại của khách du lịch dẫn đến nhu cầu xử lý rác tăng lên, cả năm 2023 ghi nhận kết quả 258.937 triệu đồng, đạt 100,72% kế hoạch do ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 đề ra. Tuy nhiên lợi nhuận trước thuế chỉ đạt 6.870 triệu đồng, bằng 98,62% kế hoạch.

Đề hướng hoạt động của Công ty đến phát triển bền vững, không thể bỏ qua các công tác đối với môi trường xung quanh và xã hội, cộng đồng nơi mà doanh nghiệp đầu tư, sản xuất, kinh doanh. Năm qua, Hội đồng quản trị đánh giá cao công tác đảm bảo tuân thủ bảo vệ môi trường của toàn thể cán bộ công nhân viên, cũng như ý thức đối với cộng đồng xung quanh.



ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Trong năm 2023, căn cứ vào Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, HĐQT đã thường xuyên thực hiện việc giám sát chặt chẽ, theo dõi công tác quản lý điều hành của Ban Tổng Giám đốc và kịp thời điều chỉnh cho phù hợp với chủ trương, định hướng của HĐQT về các nội dung công việc theo chức năng nhiệm vụ của Công ty. Cụ thể như sau:

- Tình hình thực hiện các nhiệm vụ thường xuyên được: UBND thành phố Đà Nẵng, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND quận, huyện, Ban quản lý Bán đảo Sơn Trà và các bãi biển du lịch Đà Nẵng giao về phục vụ vệ sinh môi trường đô thị, bãi biển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt;
- Tham gia đấu thầu cung ứng dịch vụ vệ sinh môi trường tại các chợ do Công ty Quản lý và Phát triển các chợ Đà Nẵng;
- Tình hình thực hiện hoạt động sản xuất, kinh doanh, tài chính của Công ty;
- Công tác chăm lo đời sống, thu nhập cho Người lao động;
- Tổ chức cuộc họp Đại hội cổ đông thường niên và bất thường năm 2023;
- Giám sát, chỉ đạo các nội dung công việc nhằm đảm bảo Ban TGD bám sát, nỗ lực thực hiện các chỉ tiêu Kế hoạch sản xuất kinh doanh và thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2023 được Đại hội cổ đông thông qua bằng Nghị quyết tại cuộc họp Đại hội cổ đông thường niên Công ty năm 2023;
- Theo dõi, giám sát và chỉ đạo Ban TGD thực hiện các công việc theo nội dung Nghị quyết, Quyết định và Thông báo của HĐQT ban hành;
- Thực hiện điều động, luân chuyển, bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo quản lý trên cơ sở Nghị quyết Hội đồng quản trị trên cơ sở nhu cầu công tác cán bộ và tình hình hoạt động sản xuất của Công ty;
- Điều chỉnh, sửa đổi Quy chế sửa chữa tài sản, thiết bị, phương tiện vận chuyển; Định mức kinh tế, kỹ thuật áp dụng nội bộ Công ty; Quy chế Thi đua khen thưởng, kỷ luật;
- Ban hành Quy chế Trả lương của Chi nhánh Xí nghiệp Kinh doanh Dịch vụ và Xử lý môi trường - Công ty cổ phần Môi trường đô thị Đà Nẵng.
- Chia tách Xí nghiệp Môi trường Cẩm Lệ để thành lập Chi nhánh Xí nghiệp Môi trường Cẩm Lệ 1 và Chi nhánh Xí nghiệp Môi trường Cẩm Lệ 2 trực thuộc Công ty;
- Giải thể Ban KCS - Công ty cổ phần Môi trường đô thị Đà Nẵng;
- Giám sát, chỉ đạo Ban TGD thực hiện lập các báo cáo định kỳ, bất thường và công bố thông tin theo quy định của Pháp luật;
- Kiểm tra, giám sát Ban TGD trong việc chấp hành và tuân thủ quy định Pháp luật, Điều lệ và Quy chế của Công ty;
- Chủ tịch HĐQT tham gia dự họp giao ban định kỳ cùng Ban TGD giám sát, đồng thời tham gia chỉ đạo, định hướng hoạt động của Công ty;
- HĐQT thảo luận, thông qua các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty bằng Nghị quyết sau mỗi kỳ họp HĐQT hoặc tổ chức lấy ý kiến các Thành viên HĐQT bằng văn bản, ban hành Quyết định, Thông báo làm cơ sở Ban TGD tổ chức triển khai thực hiện.



CÁC KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT

KẾ HOẠCH NĂM 2024

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2024
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	270.810
2	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	6.930
3	Tỷ lệ chi trả cổ tức/VĐL	%	5

MỘT SỐ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN ĐỊNH HƯỚNG



Công ty Công ty đẩy mạnh các hoạt động đào tạo và khoa học, công nghệ, hợp tác trong nước, quốc tế đối với phát triển dịch vụ môi trường như nghiên cứu và chuyển giao các công nghệ tân tiến, bao gồm xe vận chuyển rác thải và cơ giới hóa hoạt động thu gom. Bên cạnh đó, Công ty xây dựng, dần hoàn thiện hệ thống quản lý chuyên môn về dịch vụ môi trường; tăng cường liên kết giữa cơ quan nghiên cứu, doanh nghiệp bằng cách tham gia các chương trình, dự án của thành phố Đà Nẵng nhằm cung cấp dịch vụ chất lượng và đóng góp vào mục tiêu bền vững, bảo vệ môi trường.



Phát triển và khuyến khích đầu tư nhiều hơn vào các tài sản dài hạn hỗ trợ hoạt động của Công ty, như phương tiện thu gom chất thải rắn, các phần phần mềm quản lý,... Hơn nữa, Công ty áp dụng các công nghệ tiên tiến để tối ưu hóa quy trình xử lý rác thải và giảm thiểu chi phí. Đồng thời, Công ty sẽ thanh toán đầy đủ và đúng thời hạn các khoản nợ phải trả nhà cung cấp nhiên liệu, vật tư, công cụ dụng cụ, phải trả UBND Thành phố Đà Nẵng phần giá trị tài sản được Ngân sách đầu tư.



Công ty cam kết cung cấp hỗ trợ đào tạo cho nhân viên thông qua các chương trình giáo dục và chứng chỉ liên quan đến môi trường, qua đó khuyến khích được nhân viên nâng cao kỹ năng và kiến thức chuyên môn. Việc này không chỉ giúp nhân viên thích nghi với những thách thức mới mà còn thể hiện cam kết của Công ty đối với sự phát triển bền vững. Bên cạnh đó, Công ty tổ chức thường xuyên các buổi gặp gỡ giữa quản lý và nhân viên để trao đổi trực tiếp, lắng nghe và phản hồi các ý kiến đóng góp từ phía nhân viên. Từ đó, hướng đến mục tiêu xây dựng một không gian làm việc tích cực, đa dạng và thống nhất, nơi mỗi cá nhân có thể phát huy tối đa năng lực của mình. Các chính sách này không chỉ giúp từng nhân viên phát triển cá nhân mà còn góp phần vào sự tăng trưởng và thành công chung của Công ty.



5

QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 01 Hội đồng quản trị
- 02 Ban kiểm soát
- 03 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát





HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Tính tại ngày 31/12/2023

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần nắm giữ		Tỷ lệ	
			Cá nhân	Đại diện	Cá nhân	Đại diện
1	Ông Phạm Thanh Phúc	Chủ tịch HĐQT	-	981.512	-	17,00%
2	Ông Võ Minh Đức	Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc	61.625	981.512	1,068%	17,00%
3	Bà Hoàng Thị Ngọc Hiếu	Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc	32.162	981.512	0,557%	17,00%
4	Ông Nguyễn Thành Nam	Thành viên HĐQT không điều hành (Bổ nhiệm 28/12/2023)	-	-	-	-
5	Phan Công Tư	Thành viên HĐQT không điều hành	31.362	-	0.543%	-

DANH SÁCH THAY ĐỔI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Thành viên HĐQT điều hành			
Ông Phạm Thanh Phúc	Chủ tịch HĐQT		-
Ông Võ Minh Đức	Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc	Ngày 11/6/2021 (Nghị quyết số 09/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11/6/2021;	-
Bà Hoàng Thị Ngọc Hiếu	Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc	10/NQ-HĐQT ngày 11/6/2021)	-
Thành viên HĐQT không điều hành			
Ông Phan Công Tư	Thành viên HĐQT không điều hành	Ngày 11/6/2021 (Nghị quyết số 09/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11/6/2021)	
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Thành viên HĐQT không điều hành	Ngày 11/6/2021 (Nghị quyết số 09/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11/6/2021)	Ngày 28/12/2023 (Nghị quyết số 15/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/12/2023)
Ông Nguyễn Thành Nam	Thành viên HĐQT không điều hành	Ngày 28/12/2023 (Nghị quyết số 15/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/12/2023)	

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các cuộc họp của HĐQT

Trong năm 2023, HĐQT nhiệm kỳ 2021-2025 đã tổ chức 04 cuộc họp thảo luận (ngày 27/3/2023, 21/6/2023, 12/9/2023 và 14/12/2023) nhằm triển khai, đánh giá các nội dung công việc theo Chương trình kế hoạch công tác của HĐQT năm 2023 và xem xét các vấn đề khác có liên quan đến tình hình sản xuất, hoạt động kinh doanh của Công ty.

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Phạm Thanh Phúc	Chủ tịch HĐQT	04/04	100%	
2	Ông Võ Minh Đức	Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc	04/04	100%	
3	Bà Hoàng Thị Ngọc Hiếu	Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc	04/04	100%	
4	Ông Nguyễn Văn Tuấn	Thành viên HĐQT không điều hành	01/04	25%	Có việc đột xuất ngày 21/6/2023; Có đơn từ nhiệm từ ngày 30/8/2023.
5	Ông Phan Công Tư	Thành viên HĐQT không điều hành	04/04	100%	

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Không có

Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty chưa thành lập các tiểu ban chuyên trách mà hoạt động thông qua các Phòng chức năng của Công ty, phân công người phụ trách riêng từng vấn đề như tài chính, nhân sự, kinh doanh,... để hỗ trợ hoạt động của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc.

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty

Không có, tuy nhiên Công ty luôn tạo điều kiện thuận lợi và khuyến khích thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý khác tham gia các khóa huấn luyện, đào tạo, các buổi hội thảo, đối thoại do các Sở, Ban ngành, VSDC, và các đơn vị chuyên môn tổ chức.



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tt)

CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA HĐQT TRONG NĂM 2023

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
A Nghị quyết				
1	01/NQ-HĐQT	31/01/2023	Về việc phân công nhiệm vụ cán bộ lãnh đạo quản lý	100%
2	02/NQ-HĐQT	27/03/2023	Về phiên họp HĐQT ngày 27/03/2023	100%
3	03/NQ-HĐQT	17/04/2023	Về việc bổ nhiệm, phân công nhiệm vụ cán bộ	80%
4	04/NQ-HĐQT	09/05/2023	Về việc kế hoạch sản xuất, kinh doanh năm 2023	80%
5	05/NQ-HĐQT	21/06/2023	Về phiên họp HĐQT ngày 21/06/2023	80%
6	06/NQ-HĐQT	29/06/2023	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023	100%
7	07/NQ-HĐQT	19/07/2023	Về việc chi trả cổ tức năm 2022	80%
8	08/NQ-HĐQT	01/08/2023	Về việc điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023	80%
9	09/NQ-HĐQT	12/09/2023	Về phiên họp HĐQT ngày 12/9/2023	80%
10	10/NQ-HĐQT	12/09/2023	Về việc bổ nhiệm lãnh đạo quản lý	80%
11	11/NQ-HĐQT	24/10/2023	Về việc tạm hoãn Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2023	80%
12	12/NQ-HĐQT	07/11/2023	Về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2023	80%
13	13/NQ-HĐQT	22/11/2023	Về việc giải thể Ban KCS - Công ty cổ phần Môi trường đô thị Đà Nẵng	80%
14	14/NQ-HĐQT	14/12/2023	Về phiên họp HĐQT ngày 14/12/2023	80%
15	15/NQ-HĐQT	28/12/2023	(Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2023)	100%

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
B Quyết định				
1	01/QĐ-HĐQT	04/01/2023	Về việc phê duyệt Giá trị mua sắm và kết quả lựa chọn đơn vị cung cấp thùng rác phục vụ Tết Quý Mão 2023	80%
2	02/QĐ-HĐQT	10/01/2023	Về việc phê duyệt dự toán và đơn vị thực hiện cung cấp Gói thầu: Mua sắm sắm lớp phục vụ sản xuất Quý I/2023 và Tết Nguyên đán Quý Mão 2023	80%
3	03/QĐ-HĐQT	10/01/2023	Về việc phê duyệt giá khởi điểm và phương thức thực hiện thanh lý tài sản, phương tiện đã hư hỏng không còn hoạt động	80%
4	04/QĐ-HĐQT	18/01/2023	Về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành Gói thầu: Mua sắm thùng rác phục vụ Tết Quý Mão 2023	80%
5	05/QĐ-HĐQT	27/01/2023	Về việc phê duyệt kết quả đánh giá Hồ sơ đề xuất kỹ thuật Gói thầu: Tư vấn quản lý dự án. Dự án: Đầu tư nâng cấp, mở rộng khu xử lý chất nguy hại Khánh Sơn	80%
6	06/QĐ-HĐQT	07/03/2023	Về việc phê duyệt giá trị thanh toán chi phí thuê xe tải ben, máy đào phục vụ xúc và vận chuyển rác thải tại các điểm tập kết tạm về Bãi rác Khánh Sơn trong đợt phục vụ Tết Nguyên đán Quý Mão năm 2023	80%
7	07/QĐ-HĐQT	22/03/2023	Ban hành Quy chế Trả lương của Chi nhánh Xí nghiệp Kinh doanh Dịch vụ và Xử lý môi trường – Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Đà Nẵng	80%
8	08/QĐ-HĐQT	31/03/2023	Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Tư vấn quản lý dự án. Dự án: Đầu tư nâng cấp, mở rộng khu xử lý chất thải nguy hại Khánh Sơn	80%
9	09/QĐ-HĐQT	14/04/2023	Về việc chấm dứt hoạt động của Xí nghiệp Môi trường Cẩm Lệ	80%
10	10/QĐ-HĐQT	14/04/2023	Về việc thành lập Chi nhánh Xí nghiệp Môi trường Cẩm Lệ 1, Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Đà Nẵng	80%
11	11/QĐ-HĐQT	14/04/2023	Về việc thành lập Chi nhánh Xí nghiệp Môi trường Cẩm Lệ 2, Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Đà Nẵng	80%
12	12/QĐ-HĐQT	14/04/2023	Về việc phê duyệt quỹ tiền lương thực hiện người lao động và quỹ tiền lương, thù lao người quản lý năm 2022	100%
13	13/QĐ-HĐQT	05/05/2023	Về việc phê duyệt Giá trị mua sắm và kết quả lựa chọn đơn vị cung cấp phương tiện san ủi tại bãi rác Khánh Sơn	80%
14	14/QĐ-HĐQT	19/05/2023	Về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành Gói thầu: Mua sắm 10 xe ép rác 04m ³ (1,5 tấn) kiểu cặp thùng, nắp đậy và 04 xe ép rác 07m ³ (3,0 tấn) kiểu cặp thùng, nắp đậy	80%
15	15/QĐ-HĐQT	01/06/2023	Về việc dự kiến thời gian, chương trình họp Đại hội đồng cổ đông và thành loại Ban tổ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023	100%
16	16/QĐ-HĐQT	01/06/2023	Về việc Thành lập Ban kiểm tra tư cách cổ đông phục vụ cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023	100%
17	17/QĐ-HĐQT	20/06/2023	Về việc phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự án: Đầu tư nâng cấp, mở rộng khu xử lý chất thải nguy hại Khánh Sơn	80%



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tt)

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
18	18/QĐ-HĐQT	27/06/2023	Về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành Công trình Mua sắm 01 máy ủi Komatsu D60	80%
19	19/QĐ-HĐQT	18/07/2023	Về việc phê duyệt Hồ sơ mời thầu Gói thầu: Tư vấn lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công + dự toán Dự án: Đầu tư nâng cấp, mở rộng khu xử lý chất thải nguy hại Khánh Sơn	80%
20	20/QĐ-HĐQT	30/08/2023	Về việc phê duyệt kết quả đánh giá Hồ sơ đề xuất kỹ thuật Gói thầu: Tư vấn lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công + dự toán Dự án: Đầu tư nâng cấp, mở rộng khu xử lý chất thải nguy hại Khánh Sơn	80%
21	21/QĐ-HĐQT	08/09/2023	Về việc điều chỉnh thời gian chấm dứt hoạt động của chi nhánh Xí nghiệp Môi trường Cẩm Lệ	80%
22	22/QĐ-HĐQT	20/09/2023	Về việc thời gian, chương trình tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2023 và thành lập Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2023	80%
23	23/QĐ-HĐQT	20/09/2023	Về việc thành lập Ban kiểm tra tư cách Cổ đông phục vụ cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2023	80%
24	24/QĐ-HĐQT	22/09/2023	Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Tư vấn lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công + dự toán Dự án: Đầu tư nâng cấp, mở rộng khu xử lý chất thải nguy hại Khánh Sơn	100%
25	25/QĐ-HĐQT	10/10/2023	Về việc phê duyệt Giá trị khởi điểm và hình thức thực hiện thanh lý tài sản đã hư hỏng không còn hoạt động	100%
26	26/QĐ-HĐQT	07/11/2023	Về việc phê duyệt Dự án Gói thầu "Thuê thực hiện các hạng mục công việc dịch vụ công ích vệ sinh môi trường trên địa bàn thành phố Đà Nẵng"	80%
27	27/QĐ-HĐQT	28/11/2023	Về việc phê duyệt Dự trù mua sắm và kết quả lựa chọn nhà thầu cung cấp Gói thầu: Mua sắm Bảo hộ lao động năm 2024	80%
28	28/QĐ-HĐQT	30/11/2023	Về việc phê duyệt điều chỉnh Giá trị khởi điểm và phương thức thực hiện thanh lý tài sản đã hư hỏng không còn hoạt động	80%
29	29/QĐ-HĐQT	08/12/2023	Về việc ban hành đơn giá nhân công, định mức nhiên liệu công tác thu gom, vận chuyển rác thải trên địa bàn thành phố Đà Nẵng	80%
30	30/QĐ-HĐQT	14/12/2023	Về việc phê duyệt số lượng, giá trị dự toán và hình thức mua sắm thùng rác phục vụ công tác thu gom rác thải thường xuyên, phục vụ lễ hội và Tết Giáp Thìn 2024	80%
31	31/QĐ-HĐQT	14/12/2023	Về việc phê duyệt điều chỉnh Giá trị khởi điểm và phương thức thực hiện thanh lý tài sản đã hư hỏng không còn hoạt động (lần 2)	80%
32	32/QĐ-HĐQT	22/12/2023	Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Thuê thực hiện các hạng mục công việc dịch vụ công ích vệ sinh môi trường trên địa bàn thành phố Đà Nẵng	80%
33	33/QĐ-HĐQT	28/12/2023	Về việc phê duyệt Giá trị mua sắm và kết quả lựa chọn đơn vị cung cấp thùng rác phục vụ công tác thu gom rác thải thường xuyên, phục vụ lễ hội và Tết Giáp Thìn 2024	80%

BAN KIỂM SOÁT

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA BAN KIỂM SOÁT

Tính tại ngày 31/12/2023

Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần nắm giữ		Tỷ lệ	
		Cá nhân	Đại diện	Cá nhân	Đại diện
Bà Võ Thị Mận	Trưởng BKS	2.900	-	0,05%	-
Bà Huỳnh Thị Thanh Nhân	Thành viên BKS	-	-	-	-
Bà Phan Nguyễn Trúc Ly	Thành viên BKS	-	-	-	-

DANH SÁCH THAY ĐỔI THÀNH VIÊN BKS TRONG NĂM 2023

Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Võ Thị Mận	Trưởng BKS	Bổ nhiệm ngày 11/6/2021 (Nghị quyết số 09/NQ - ĐHĐCĐ ngày 11/6/2021)	
Bà Lê Thị Hồng Thủy	Thành viên BKS		Miễn nhiệm ngày 28/12/2023 (Nghị quyết số 15/NQ - ĐHĐCĐ ngày 28/12/2023)
Bà Huỳnh Thị Thanh Nhân	Thành viên BKS	Bổ nhiệm ngày 29/6/2022 (Nghị quyết số 07/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/6/2022)	
Bà Phan Nguyễn Trúc Ly	Thành viên BKS	Bổ nhiệm ngày 28/12/2023 (Nghị quyết số 15/NQ - ĐHĐCĐ ngày 28/12/2023)	

CUỘC HỌP BKS

STT	Số Biên bản	Nội dung
1	01/23/BB-BKS	- Thông qua Kế hoạch làm việc năm 2023 - Triển khai kế hoạch kiểm tra giám sát Quý 1/2023: + Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2022 + Đánh giá tình hình thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT Công ty; kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022
2	02/23/BB-BKS	- Thông qua dự thảo Báo cáo hoạt động Ban Kiểm soát năm 2022 - Lấy ý kiến lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2023 trình ĐHĐCĐ - Triển khai kế hoạch kiểm tra giám sát Quý 2/2023
3	03/23/BB-BKS	- Thực hiện kiểm tra giám sát, thẩm định BCTC 6 tháng đầu năm 2023 - Rà soát, phân tích các khoản mục chi phí, đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2023 - Triển khai công tác quý 3/2023 theo Kế hoạch
4	04/23/BB-BKS	- Kiểm soát các khoản chi phí sản xuất kinh doanh: Công tác hạch toán kế toán, công tác sửa chữa phương tiện tài sản, công tác thuê dịch vụ vệ sinh môi trường, mua sắm công cụ dụng cụ - Triển khai công tác quý 4/2023 theo kế hoạch



BAN KIỂM SOÁT (tt)

Hoạt động giám sát của Ban kiểm soát đối với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và cổ đông

Trong quá trình thực hiện trách nhiệm Nghị quyết ĐHCĐ được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thông qua, Ban Kiểm soát luôn tuân thủ kế hoạch kiểm tra, giám sát các hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc trong việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Thẩm định BCTC hàng năm, đồng thời kiểm tra công tác quản lý nguồn lực tài chính và đảm bảo rằng làm theo các quy định và tiêu chuẩn tài chính. Với việc tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, cuộc họp giao ban của Công ty, Ban Kiểm soát liên tục được tiếp nhận các văn bản, nghị quyết, quyết định của HĐQT cũng như Ban điều hành, từ đó BKS góp ý những nội dung liên quan tới tình hình hoạt động của Công ty.

Hội đồng quản trị đã đảm bảo việc chấp hành Điều lệ Công ty, pháp luật Nhà nước và quy chế, quy định, quyết định trong công tác quản lý, điều hành thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty. Thực hiện đầy đủ các nội dung của Nghị quyết

Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua; xây dựng cơ bản, đầu tư và mua sắm, cũng như các hoạt động sản xuất Công ty được hướng dẫn dưới sự ban hành Nghị quyết và chỉ đạo của Hội đồng quản trị.

Ban Tổng Giám đốc đã triển khai thực hiện các Nghị quyết của HĐQT, thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023, đầu tư vào các thiết bị công nghệ hiện đại, tổ chức tập huấn các kỹ năng an toàn lao động trong công tác vệ sinh môi trường, thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt cho nhân viên. Về chính sách của Nhà nước và người lao động, Công ty thực hiện đầy đủ và kịp thời nhằm đảm bảo công bằng, hỗ trợ sự phát triển của nhân viên và nâng cao thương hiệu của Công ty.

Công ty đảm bảo rằng thông tin được chia sẻ một cách công bằng và kịp thời với nhà đầu tư; báo cáo công ty được công bố là đúng theo pháp luật, minh bạch cho cổ đông và các bên liên quan.

Sự phối hợp giữa Ban kiểm soát đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

Thành viên Ban Kiểm soát đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của Ban Kiểm soát và HĐQT để nắm bắt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban kiểm soát thường xuyên trao đổi HĐQT, Ban TGD trong việc thực hiện các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty nhằm đạt các chỉ tiêu mà Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã thông qua. Giám sát việc công bố thông tin của Công ty theo quy định của Luật Chứng khoán, xem xét tính minh bạch của quá trình công bố thông tin để đảm bảo quyền lợi của các cổ đông.

HĐQT đã cung cấp đầy đủ thông tin về các nghị quyết, quyết định cho Ban kiểm soát. Ban TGD và các phòng ban chuyên môn đã cung cấp đầy đủ các tài liệu, báo cáo, chứng từ, ... phục vụ cho công tác giám sát kiểm tra của Ban Kiểm soát và tạo điều kiện cho Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định Điều lệ Công ty.



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BTGD VÀ BKS

LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Đơn vị tính: Đồng

STT	Họ và tên	Chức danh	Năm 2022	Năm 2023
I. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc				
1	Ông Phạm Thanh Phúc	Chủ tịch HĐQT	324.000.000	334.288.000
2	Ông Võ Minh Đức	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	300.000.000	310.600.000
3	Bà Hoàng Thị Ngọc Hiếu	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	276.000.000	280.912.000
4	Ông Phan Công Tư	Thành viên HĐQT	52.800.000	52.800.000
5	Ông Nguyễn Văn Tuấn	Thành viên HĐQT	52.800.000	52.800.000
6	Bà Võ Thị Huỳnh Trang	Phó Tổng Giám đốc	228.000.000	236.536.000
7	Ông Nguyễn Đăng Huy	Phó Tổng Giám đốc	103.168.436	227.536.000
II. Ban kiểm soát				
1	Bà Võ Thị Mận	Trưởng Ban kiểm soát	273.497.310	283.912.000
2	Bà Lê Thị Hồng Thủy	Thành viên Ban kiểm soát	52.800.000	52.800.000
3	Bà Huỳnh Thị Thanh Nhân	Thành viên Ban kiểm soát	26.400.000	52.800.000





CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BTGD VÀ BKS

GIAO DỊCH CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN ĐỐI VỚI CỔ PHIẾU CỦA CÔNG TY

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	
1	Nguyễn Văn Tuấn	TV.HĐQT	391.406	6,78	1.163.393	20,15	Mua thêm cổ phiếu (23/6/2023)
2	Công ty CP Môi trường Việt Nam	Cổ đông lớn	771.987	13,37	0	0	Bán cổ phiếu (22/8/2023)
3	Công ty CP Dịch vụ Môi trường Đà Nẵng	Cổ đông lớn	0	0	771.987	13,37	Mua thêm cổ phiếu (17/8/2023)
4	Võ Minh Đức	TV.HĐQT, TGD	3.900	0,068	61.625	1,0675	Mua thêm cổ phiếu (22/8/2023)
5	Hoàng Thị Ngọc Hiếu	TV.HĐQT, PTGD	3.300	0,057	32.162	0,557	Mua thêm cổ phiếu (22/8/2023)
6	Phan Công Tư	TV.HĐQT	2.500	0,045	31.362	0,543	Mua thêm cổ phiếu (22/8/2023)
7	Nguyễn Đăng Huy	PTGD	2.700	0,047	60.425	1,0465	Mua thêm cổ phiếu (22/8/2023)
8	Võ Thị Huỳnh Trang	PTGD	0	0	86.587	1,50	Mua thêm cổ phiếu (22/8/2023)
9	Lê Thị Kim Nguyệt	Vợ CT.HĐQT	0	0	72.157	1,25	Mua thêm cổ phiếu (22/8/2023)

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ

Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ: Trong năm 2023, Công ty đã phát sinh giao dịch Thu gom rác theo đơn đặt hàng giá trị 120.085.271.430 đồng với UBND TP. Đà Nẵng và các đơn vị trực thuộc (Quận, huyện, sở ban ngành).

Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát: Không phát sinh

Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác: Không có

ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY NĂM 2023

Quản trị công ty đóng vai trò rất quan trọng trong việc duy trì và phát triển trong khâu vận hành hoạt động kinh doanh, cho nên Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng luôn đảm bảo việc này theo đúng pháp luật, Điều lệ, Quy chế nội bộ; xây dựng một cách hợp lý phù hợp với đặc điểm, lợi ích, mục tiêu của công ty và cổ đông; nâng cao hiệu quả lao động của nhân viên công ty đồng thời kết hợp kiểm soát chất lượng các hoạt động của công ty. Công ty thường xuyên cập nhật các văn bản liên quan trong công tác báo cáo quản trị và công bố thông tin theo quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Công ty hướng tới mục tiêu chính là nâng cao và hoàn thiện toàn bộ hệ thống quản trị, các thông lệ quản trị tốt nhất trên thị trường; thực hiện các mục tiêu đã vạch ra một cách tối ưu trong điều kiện biến động của nền kinh tế. Đồng thời, Công ty vận dụng một cách có hiệu quả mọi tài nguyên nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động.

Năm 2023, Các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Ban điều hành, Người phụ trách quản trị - Thư ký công ty và cán bộ quản lý khác tham gia các Hội thảo tập huấn trực tuyến/trực tiếp về quản trị công ty cho các công ty đại chúng do UBCKNN, Sở Giao dịch Chứng khoán tổ chức nhằm tiếp cận những hướng quản trị mới, hiệu quả hơn. Nhờ đó mà Ban Lãnh đạo Công ty có thể đáp ứng kịp thời, đảm bảo cập nhật đầy đủ các văn bản giấy tờ trước những thay đổi về Luật mới của UBCKNN và các quy định của Sở Giao dịch Chứng khoán.

Thêm vào đó, tập thể Lãnh đạo toàn Công ty luôn tuân thủ luật pháp, Điều lệ tổ chức và các Quy chế hoạt động của Công ty. Căn cứ các nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Hội đồng quản trị đã đưa ra các Nghị quyết, Quyết định phù hợp. Ban Tổng Giám đốc Công ty đã giám sát hoạt động của Công ty theo các Nghị quyết, Quyết định của Công ty và quy định của pháp luật có liên quan. Công ty luôn đề cao tính công bằng, minh bạch, tuân thủ các quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông trong các hoạt động của công ty. Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho cổ đông, website Công ty, hệ thống công bố thông tin của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội đều thể hiện thông tin công bố của Công ty cho nhà đầu tư, cổ đông theo đúng quy định, cập nhật tình hình để theo dõi tiến độ hoạt động của Hội đồng quản trị và việc thực hiện các nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua. Do đó, thương hiệu và mức độ uy tín của DNE được nâng cao, cải thiện khả năng tiếp cận nguồn vốn tiềm năng có được từ thị trường và nguồn lực sẽ được sử dụng hiệu quả hơn.



6

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- 01 Ý kiến kiểm toán
- 02 Báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2023





**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG
ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

MỤC LỤC

Trang

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	6 - 7
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 34

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Đà Nẵng theo Quyết định số 9594/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Đà Nẵng và theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400228640 ngày 01/10/2015 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 3 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 12/12/2018. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông trên hệ thống Upcom tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày 05/04/2017 với mã chứng khoán là DNE.

Vốn điều lệ: 57.736.000.000 đồng

Vốn góp thực tế đến 31/12/2023: 57.736.000.000 đồng

Tại thời điểm 31/12/2023, Công ty có 10 đơn vị trực thuộc:

- Xí nghiệp Môi trường Sông Biển;
- Xí nghiệp Môi trường Hòa Vang;
- Xí nghiệp Môi trường Cẩm Lệ 1;
- Xí nghiệp Môi trường Cẩm Lệ 2;
- Xí nghiệp Môi trường Ngũ Hành Sơn;
- Xí nghiệp Môi trường Sơn Trà;
- Xí nghiệp Môi trường Thanh Khê;
- Xí nghiệp Môi trường Hải Châu;
- Xí nghiệp Quản lý Bãi & Xử lý chất thải;
- Xí nghiệp Vận chuyển;
- Xí nghiệp kinh doanh Dịch vụ và Xử lý môi trường;

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 471 Núi Thành, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
- Điện thoại: (84) 0236.3622007
- Fax : (84) 0236.3642423
- Website: moitruongdothidanang.com.vn

Ngành nghề kinh doanh

- Thu gom rác thải không độc hại. Chi tiết: Thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp không nguy hại, chất thải y tế không nguy hại, chất thải hàng hải, phế thải xây dựng và hầm cầu;
- Thu gom rác thải độc hại. Chi tiết: Thu gom, vận chuyển chất thải nguy hại từ sinh hoạt và chất thải nguy hại từ các ngành công nghiệp, y tế, dịch vụ và nông nghiệp;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Tái chế phế liệu. Chi tiết: Tái chế, tái sử dụng chất thải;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Sửa chữa phương tiện, thiết bị trong lĩnh vực môi trường;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại. Chi tiết: Xử lý rác thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp không nguy hại, chất thải y tế không nguy hại, chất thải hàng hải, phế thải xây dựng và hầm cầu;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại. Chi tiết: Xử lý chất thải nguy hại từ sinh hoạt và chất thải nguy hại từ các ngành công nghiệp, y tế, dịch vụ và nông nghiệp;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu. Chi tiết: Bán buôn các loại vật tư, thiết bị, hoá chất, vi sinh và các trang thiết bị liên quan đến lĩnh vực xử lý môi trường. Bán buôn các sản phẩm thu được từ tái chế, tái sử dụng chất thải;
- Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác. Chi tiết: Xử lý ô nhiễm môi trường các hệ thống sông, hồ, đầm ao, vịnh biển và bờ biển;
- Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh. Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm hoá, sinh, vi sinh trong xử lý môi trường, chăn nuôi, trồng trọt và nuôi trồng thủy sản;
- Thoát nước và xử lý nước thải. Chi tiết: Xử lý các loại nước thải, nước nhiễm bẩn, nhiễm dầu;
- Xây dựng công trình công ích. Chi tiết: Xây dựng, sửa chữa, nạo vét mương cống, công trình xử lý nước thải và tháo dỡ công trình xây dựng; Tư vấn thiết kế, xây dựng và đầu tư xây dựng các công trình xử lý chất thải, xử lý môi trường;
- Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác. Chi tiết: Cung cấp dịch vụ vệ sinh công cộng, vỉa hè, đường phố, cống rãnh, ao hồ, đầm, trên sông, ven biển;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đầu. Chi tiết: Tư vấn lập các hồ sơ, thủ tục dự án trong lĩnh vực môi trường và tư vấn chuyển giao công nghệ sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh.

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến ngày 31/12/2023 là 1.128 người. Trong đó viên chức quản lý là 6 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Phụ trách kế toán trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|--------------------------|------------|--|
| • Ông Phạm Thanh Phúc | Chủ tịch | Tái bổ nhiệm ngày 11/06/2021 |
| • Ông Võ Minh Đức | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 11/06/2021 |
| • Bà Hoàng Thị Ngọc Hiếu | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 11/06/2021 |
| • Ông Phan Công Tư | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 11/06/2021 |
| • Ông Nguyễn Thành Nam | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 28/12/2023 |
| • Ông Nguyễn Văn Tuấn | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 11/06/2021
Miễn nhiệm ngày 28/12/2023 |

Ban Kiểm soát

- | | | |
|-----------------|------------|--------------------------|
| • Bà Võ Thị Mận | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 11/06/2021 |
|-----------------|------------|--------------------------|

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Huỳnh Thị Thanh Nhân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29/06/2022
Bà Phan Nguyễn Trúc Ly	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28/12/2023
Bà Lê Thị Hồng Thủy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 11/06/2021 Miễn nhiệm ngày 28/12/2023

Ban Tổng Giám đốc và Phụ trách kế toán

Ông Võ Minh Đức	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 10/12/2018
Ông Nguyễn Đăng Huy	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 14/07/2022
Bà Võ Thị Huỳnh Trang	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 10/07/2019
Bà Hoàng Thị Ngọc Hiếu	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 11/06/2021
Ông Diệp Nguyễn Thế Quang	Phụ trách Kế toán	Bổ nhiệm ngày 14/06/2021

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên nguyên tắc hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc

Võ Minh Đức

Đà Nẵng, ngày 29 tháng 03 năm 2024



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP CỦA PRIMEGLOBAL
CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN - KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 648/2024/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Đà Nẵng

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính lập ngày 29/03/2024 của Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 6 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh:

47 - 49 Hoàng Sa (Tầng 3, Tòa nhà Hoàng Đan), Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Tel: +84 (28) 3910 2235; Fax: +84 (28) 3910 2349

Chi nhánh tại Hà Nội:

Số 09 phố Duy Tân, (Tầng 6, Tòa nhà Việt Á), Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Tel: +84 (24) 3224 2483; Fax: +84 (24) 3224 2492

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 21, số dư quỹ khen thưởng, phúc lợi của Công ty có giá trị âm (tại ngày 31/12/2023 âm 2.184.584.880 đồng, tại ngày 01/01/2023 âm 1.188.860.611 đồng). Việc chi các quỹ vượt quá nguồn hiện có là không phù hợp với tình hình tài chính của Công ty.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC



Trần Thị Phương Lan - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0396-2023-010-1
Đà Nẵng, ngày 29 tháng 03 năm 2024

Lê Đức Tùng - Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 5181-2021-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		95.359.763.766	76.326.946.021
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	10.885.670.040	13.755.326.915
1. Tiền	111		10.885.670.040	9.423.326.915
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	4.332.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		14.817.174.113	12.181.148.247
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	7	14.817.174.113	12.181.148.247
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		63.667.907.904	43.403.528.682
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	50.019.930.360	31.614.623.064
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	9	6.749.981.692	3.783.334.994
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	10.a	6.843.065.296	7.950.640.068
4. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		54.930.556	54.930.556
IV. Hàng tồn kho	140	11	2.079.998.209	3.214.170.736
1. Hàng tồn kho	141		2.079.998.209	3.214.170.736
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.909.013.500	3.772.771.441
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12.a	3.308.691.818	3.481.824.950
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	600.321.682	290.946.491
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		62.137.988.222	74.879.316.047
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.599.611.050	2.599.611.050
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	10.b	2.599.611.050	2.599.611.050
II. Tài sản cố định	220		51.009.053.668	49.260.063.651
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	50.256.414.870	48.380.522.165
- Nguyên giá	222		136.577.184.757	177.211.491.422
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(86.320.769.887)	(128.830.969.257)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	752.638.798	879.541.486
- Nguyên giá	228		1.136.220.000	1.136.220.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(383.581.202)	(256.678.514)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		3.280.696.526	17.863.179.993
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	3.280.696.526	17.863.179.993
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		5.248.626.978	5.156.461.353
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12.b	5.248.626.978	5.156.461.353
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		157.497.751.988	151.206.262.068

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		81.055.735.378	75.982.989.611
I. Nợ ngắn hạn	310		69.433.076.286	65.662.371.424
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	9.132.479.396	21.183.389.912
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		290.894.242	291.060.152
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	4.475.329.543	1.964.445.211
4. Phải trả người lao động	314		7.366.846.289	8.178.565.967
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	11.120.464.978	3.169.116.520
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	19.a	37.918.046.718	31.760.754.273
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20.a	1.313.600.000	303.900.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	21	(2.184.584.880)	(1.188.860.611)
II. Nợ dài hạn	330		11.622.659.092	10.320.618.187
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Phải trả dài hạn khác	337	19.b	3.741.659.092	7.483.318.187
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20.b	7.881.000.000	2.837.300.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		76.442.016.610	75.223.272.457
I. Vốn chủ sở hữu	410		76.220.046.610	75.094.972.457
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	22	57.736.000.000	57.736.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		57.736.000.000	57.736.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418	22	13.700.132.404	12.551.640.388
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	22	4.783.914.206	4.807.332.069
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(935.128.013)	(2.330.421.714)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		5.719.042.219	7.137.753.783
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		221.970.000	128.300.000
1. Nguồn kinh phí	431	23	221.970.000	128.300.000
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		157.497.751.988	151.206.262.068

Tổng Giám đốc

Võ Minh Đức


Đà Nẵng, ngày 29 tháng 03 năm 2024

Phụ trách kế toán



Diệp Nguyễn Thế Quang

Người lập biểu



Huỳnh Thị Xuân

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	25	258.936.904.548	240.049.407.744
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		258.936.904.548	240.049.407.744
4. Giá vốn hàng bán	11	26	240.647.450.550	219.466.205.104
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		18.289.453.998	20.583.202.640
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	940.894.604	893.675.868
7. Chi phí tài chính	22		677.477.323	38.038.000
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		677.477.323	38.038.000
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	14.525.242.694	13.959.463.053
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.027.628.585	7.479.377.455
11. Thu nhập khác	31	29	2.917.166.244	532.092.824
12. Chi phí khác	32	30	74.909.937	2.270.965
13. Lợi nhuận khác	40		2.842.256.307	529.821.859
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.869.884.892	8.009.199.314
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	1.150.842.673	871.445.531
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		5.719.042.219	7.137.753.783
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	991	941
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	32	991	941

Tổng Giám đốc

Võ Minh Đức


Đà Nẵng, ngày 29 tháng 03 năm 2024

Phụ trách kế toán



Diệp Nguyễn Thế Quang

Người lập biểu



Huỳnh Thị Xuân

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		6.869.884.892	8.009.199.314
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao Tài sản cố định	02	13, 14	10.185.512.245	9.913.706.053
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	27, 29	(3.856.040.648)	(1.352.162.363)
- Chi phí lãi vay	06		677.477.323	38.038.000
3. Lợi nhuận từ hđ kd trước thay đổi vốn lưu động	08		13.876.833.812	16.608.781.004
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(20.549.910.470)	11.905.573.998
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		1.134.172.527	(903.091.897)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		12.415.302.844	(20.415.400.729)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		80.967.507	(75.142.179)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(677.477.323)	(38.038.000)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	17	(926.461.787)	(925.000.000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		118.670.000	208.000.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(2.727.892.335)	(3.383.341.266)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		2.744.204.775	2.982.340.931
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21		(13.399.424.351)	(13.574.771.763)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22		6.302.123.916	475.029.630
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(7.750.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24		5.113.974.134	224.537.859
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	10, 27	921.310.661	908.855.127
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(8.812.015.640)	(11.966.349.147)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33	20	16.728.390.524	3.141.200.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	20	(10.674.990.524)	-
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	19,22	(2.855.246.010)	(4.039.814.060)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		3.198.153.990	(898.614.060)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(2.869.656.875)	(9.882.622.276)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	6	13.755.326.915	23.637.949.191
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	6	10.885.670.040	13.755.326.915

Tổng Giám đốc

Võ Minh Đức

Phụ trách kế toán

Diệp Nguyễn Thế Quang

Người lập biểu

Huỳnh Thị Xuân

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Đà Nẵng theo Quyết định số 9594/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Đà Nẵng và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400228640 ngày 01/10/2015 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 3 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 12/12/2018. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông trên hệ thống Upcom tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày 05/04/2017 với mã chứng khoán là DNE.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Thu gom rác thải không độc hại. Chi tiết: Thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp không nguy hại, chất thải y tế không nguy hại, chất thải hàng hải, phế thải xây dựng và hầm cầu;
- Thu gom rác thải độc hại. Chi tiết: Thu gom, vận chuyển chất thải nguy hại từ sinh hoạt và chất thải nguy hại từ các ngành công nghiệp, y tế, dịch vụ và nông nghiệp;
- Tái chế phế liệu. Chi tiết: Tái chế, tái sử dụng chất thải;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Sửa chữa phương tiện, thiết bị trong lĩnh vực môi trường;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại. Chi tiết: Xử lý rác thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp không nguy hại, chất thải y tế không nguy hại, chất thải hàng hải, phế thải xây dựng và hầm cầu;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại. Chi tiết: Xử lý chất thải nguy hại từ sinh hoạt và chất thải nguy hại từ các ngành công nghiệp, y tế, dịch vụ và nông nghiệp;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu. Chi tiết: Bán buôn các loại vật tư, thiết bị, hoá chất, vi sinh và các trang thiết bị liên quan đến lĩnh vực xử lý môi trường. Bán buôn các sản phẩm thu được từ tái chế, tái sử dụng chất thải;
- Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác. Chi tiết: Xử lý ô nhiễm môi trường các hệ thống sông, hồ, đầm ao, vịnh biển và bờ biển;
- Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh. Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm hoá, sinh, vi sinh trong xử lý môi trường, chăn nuôi, trồng trọt và nuôi trồng thủy sản;
- Thoát nước và xử lý nước thải. Chi tiết: Xử lý các loại nước thải, nước nhiễm bẩn, nhiễm dầu;
- Xây dựng công trình công ích. Chi tiết: Xây dựng, sửa chữa, nạo vét mương cống, công trình xử lý nước thải và tháo dỡ công trình xây dựng; Tư vấn thiết kế, xây dựng và đầu tư xây dựng các công trình xử lý chất thải, xử lý môi trường;
- Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác. Chi tiết: Cung cấp dịch vụ vệ sinh công cộng, vỉa hè, đường phố, cống rãnh, ao hồ, đầm, trên sông, ven biển;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đầu. Chi tiết: Tư vấn lập các hồ sơ, thủ tục dự án trong lĩnh vực môi trường và tư vấn chuyển giao công nghệ sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1.4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có 10 đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán báo số, gồm:

- Xí nghiệp Môi trường Sông Biển;
- Xí nghiệp Môi trường Hòa Vang;
- Xí nghiệp Môi trường Cẩm Lệ 1;
- Xí nghiệp Môi trường Cẩm Lệ 2;
- Xí nghiệp Môi trường Ngũ Hành Sơn;
- Xí nghiệp Môi trường Sơn Trà;
- Xí nghiệp Môi trường Thanh Khê;
- Xí nghiệp Môi trường Hải Châu;
- Xí nghiệp Quản lý Bãi & Xử lý chất thải;
- Xí nghiệp Vận chuyển;
- Xí nghiệp kinh doanh Dịch vụ và Xử lý môi trường.

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.2. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá ghi sổ sau khi đã đánh giá lại. Số dự phòng tổn thất được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Trường hợp các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm cuối kỳ.

4.3. Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: Phải thu khách hàng và phải thu khác.

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối niên độ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

4.4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp phương pháp nhập trước xuất trước.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

4.5. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	3 – 35
Máy móc, thiết bị	3 – 10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Phương tiện vận tải	5 – 15
Thiết bị dụng cụ quản lý	5 – 9

4.6 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình là phần mềm kế toán được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao

Khấu hao của tài sản cố định vô hình này được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phần mềm kế toán	8

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

- Chi phí sửa chữa được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 3 năm;
- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 3 năm;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.8 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: Phải trả người bán và phải trả khác.

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty.
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.9 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.10 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

4.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.12 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.13 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.14 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: Chi phí lãi vay, lãi mua hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán cho người mua.

4.15 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.16 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc niên độ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.17 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm vay và nợ thuê tài chính, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.18 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế giá trị gia tăng:
 - Hoạt động dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải: Áp dụng mức thuế suất 10%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Giai đoạn từ ngày 01/07/2023 đến 31/12/2023, Công ty áp dụng thuế suất 8% căn cứ theo Nghị định số 44/2023/NĐ-CP của Chính phủ.

- Các hoạt động kinh doanh khác: Áp dụng mức thuế suất theo quy định hiện hành.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp:
 - Hoạt động kinh doanh xã hội hóa: Áp dụng mức thuế suất 10%.
 - Các hoạt động kinh doanh khác: Áp dụng mức thuế suất 20%.
- Các loại thuế khác nộp theo quy định hiện hành.

4.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

5. Điều chỉnh hồi tố

Công ty thực hiện điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính năm 2018, năm 2019, năm 2020, năm 2021 và năm 2022. Theo đó, khoản phạt vi phạm hành chính về môi trường phát sinh năm 2018 là 1.170.000.000 đồng mà Công ty đã ghi nhận tại khoản mục "Phải thu khác" được điều chỉnh hồi tố và hạch toán vào "Chi phí khác" năm 2018.

Ngoài ra, thông qua việc rà soát các hóa đơn có rủi ro cao về thuế, Công ty hồi tố một số số liệu của năm 2022 như sau: quy trách nhiệm, ghi nợ phải thu cho các cá nhân liên quan đối với các khoản chi phí có nguồn gốc từ hóa đơn rủi ro (số tiền: 1.245.293.701 đồng), điều chỉnh tăng nghĩa vụ thuế tương ứng (Trong đó: thuế giá trị gia tăng là 100.286.119 đồng, thuế thu nhập doanh nghiệp là 124.529.371 đồng và tiền chậm nộp là 23.861.549 đồng)

Việc hồi tố bút toán này dẫn đến thay đổi một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính năm 2018, năm 2019, năm 2020, năm 2021 và năm 2022 cụ thể như sau:

Năm 2018:

Bảng cân đối kế toán	Mã số	Số liệu tại ngày 31/12/2018	Số liệu tại ngày	Chênh lệch	Ghi chú
			31/12/2018 (Trình bày lại)		
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.387.576.214	4.217.576.214	(1.170.000.000)	(1)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	8.801.222.096	7.631.222.096	(1.170.000.000)	(1)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	(2.769.731.822)	(2.769.731.822)	-	
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	11.570.953.918	10.400.953.918	(1.170.000.000)	(1)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	Mã số	Năm 2018	Năm 2018	Chênh lệch	Ghi chú
			(Trình bày lại)		
Chi phí khác	32	224.977.078	1.394.977.078	1.170.000.000	(1)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	12.931.183.284	11.761.183.284	(1.170.000.000)	(1)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	11.570.953.918	10.400.953.918	(1.170.000.000)	(1)
Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu	70, 71	1.430	1.801	371	(2)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	Mã số	Năm 2018	Năm 2018 (Trình bày lại)	Chênh lệch	Ghi chú
Lợi nhuận trước thuế	01	12.931.183.284	11.761.183.284	(1.170.000.000)	(2)
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(27.282.370.592)	(26.112.370.592)	1.170.000.000	(2)

Năm 2019

Bảng cân đối kế toán	Mã số	Số liệu tại ngày 31/12/2019	Số liệu tại ngày 31/12/2019 (Trình bày lại)	Chênh lệch	Ghi chú
Phải thu ngắn hạn khác	136	6.049.395.386	4.879.395.386	(1.170.000.000)	(3)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	9.968.765.170	8.798.765.170	(1.170.000.000)	(3)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	(2.760.421.714)	(3.930.421.714)	(1.170.000.000)	(3)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	12.729.186.884	12.729.186.884	-	

Năm 2020

Bảng cân đối kế toán	Mã số	Số liệu tại ngày 31/12/2020	Số liệu tại ngày 31/12/2020 (Trình bày lại)	Chênh lệch	Ghi chú
Phải thu ngắn hạn khác	136	10.211.710.561	9.041.710.561	(1.170.000.000)	(3)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	10.381.015.330	9.211.015.330	(1.170.000.000)	(3)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	(1.760.421.714)	(2.930.421.714)	(1.170.000.000)	(3)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	12.141.437.044	12.141.437.044	-	

Năm 2021

Bảng cân đối kế toán	Mã số	Số liệu tại ngày 31/12/2021	Số liệu tại ngày 31/12/2021 (Trình bày lại)	Chênh lệch	Ghi chú
Phải thu ngắn hạn khác	136	6.857.026.028	5.687.026.028	(1.170.000.000)	(3)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	9.273.885.218	8.103.885.218	(1.170.000.000)	(3)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	(1.460.421.714)	(2.630.421.714)	(1.170.000.000)	(3)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	10.734.306.932	10.734.306.932	-	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Năm 2022

Bảng cân đối kế toán	Mã số	Số liệu tại ngày 31/12/2022	Số liệu tại ngày 31/12/2022 (Trình bày lại)	Chênh lệch	Ghi chú
Phải thu ngắn hạn khác	136	9.120.640.068	7.950.640.068	(1.170.000.000)	(3)
Phải thu dài hạn khác	153	1.105.640.310	2.599.611.050	1.493.970.740	(4)
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	216	292.068.030	290.946.491	(1.121.539)	(4)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	1.716.889.711	1.964.445.211	247.555.500	(4)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	4.732.038.368	4.807.332.069	75.293.701	
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	(1.160.421.714)	(2.330.421.714)	(1.170.000.000)	(3)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	5.892.460.082	7.137.753.783	1.245.293.701	(4)

Khoản mục	Mã số	Năm 2022	Năm 2022 (Trình bày lại)	Chênh lệch	Ghi chú
Giá vốn hàng bán	11	220.711.498.805	219.466.205.104	(1.245.293.701)	(4)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	6.763.905.613	8.009.199.314	1.245.293.701	(4)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	5.892.460.082	7.137.753.783	1.245.293.701	(4)
Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu	70, 71	1.021	1.236	215	(4)

Khoản mục	Mã số	Năm 2022	Năm 2022 (Trình bày lại)	Chênh lệch	Ghi chú
Lợi nhuận trước thuế	01	6.763.905.613	8.009.199.314	1.245.293.701	(4)
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	13.398.423.199	11.905.573.998	(1.492.849.201)	(4)
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(20.662.956.229)	(20.415.400.729)	247.555.500	(4)

- Do ảnh hưởng của điều chỉnh hồi tố khoản phạt vi phạm hành chính về môi trường năm 2018, trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018, khoản mục "Phải thu ngắn hạn khác" và "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" cùng giảm đi 1.170.000.000 đồng. Tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 2018, chỉ tiêu "Chi phí khác" tăng 1.170.000.000 đồng làm cho "Lợi nhuận kế toán trước thuế" và "Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp" giảm đi một lượng tương ứng.
- Ảnh hưởng của điều chỉnh (1) làm cho chỉ tiêu "Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu" trên Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2018 giảm 371 đồng/ cổ phiếu; Trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2018, chỉ tiêu "Lợi nhuận trước thuế" giảm tương ứng 1.170.000.000 đồng và chỉ tiêu "Tăng, giảm các khoản phải thu" tăng tương ứng 1.170.000.000 đồng.
- Ảnh hưởng lũy kế của bút toán điều chỉnh hồi tố (1) làm cho các chỉ tiêu "Phải thu ngắn hạn khác" và "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến năm trước" tại ngày 31/12/2019, 31/12/2020, 31/12/2021 và 31/12/2022 cùng giảm một lượng là 1.170.000.000 đồng.
- Do điều chỉnh hồi tố đối với các hóa đơn có rủi ro cao về thuế, trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2022, khoản mục "Phải thu dài hạn khác" tăng lên 1.493.970.740 đồng. Tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 2022, chỉ tiêu "Giá vốn hàng bán" giảm 1.245.293.701 đồng làm cho "Lợi nhuận kế toán trước thuế" và "Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp" tăng lên một lượng tương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

ứng. Ảnh hưởng của điều chỉnh này đến chỉ tiêu “Thuế và các khoản phải thu nhà nước” giảm, số tiền: 1.121.539 đồng, chỉ tiêu “Thuế và các khoản phải nộp nhà nước”, tăng: 247.555.500 đồng.

Ảnh hưởng của điều chỉnh (4) làm cho chỉ tiêu “Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu” trên Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2022 tăng 215 đồng/ cổ phiếu; Trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2022, chỉ tiêu “Lợi nhuận trước thuế” tăng tương ứng 1.245.293.701 đồng, chỉ tiêu “Tăng, giảm các khoản phải thu” giảm tương ứng 1.492.849.201 đồng và chỉ tiêu “Tăng, giảm các khoản phải trả” tăng tương ứng 247.555.500 đồng.

Đơn vị tính: VND

6. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2023	01/01/2023
Tiền mặt	172.003.251	193.947.479
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	10.713.666.789	9.229.379.436
Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn không quá 3 tháng	-	4.332.000.000
Cộng	10.885.670.040	13.755.326.915

7. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng và không quá 12 tháng	14.817.174.113	14.817.174.113	12.181.148.247	12.181.148.247
Cộng	14.817.174.113	14.817.174.113	12.181.148.247	12.181.148.247

8. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2023	01/01/2023
Sở Tài nguyên Môi trường TP Đà Nẵng	9.478.045.066	4.705.855.791
UBND các Quận, Huyện TP Đà Nẵng	24.738.397.598	20.291.858.030
Các khách hàng dịch vụ	12.008.931.934	5.933.315.938
Các khách hàng công ích	3.794.555.762	683.593.305
Cộng	50.019.930.360	31.614.623.064

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
Công ty CP Thương mại Xây dựng vận tải Trí Đại Phát	4.493.216.340	1.496.216.340
Công ty TNHH MTV Anh Thiện Mỹ	-	604.756.389
Công ty TNHH Vĩnh Xuân Phát	1.315.124.927	1.034.467.769
Các đối tượng khác	941.640.425	647.894.496
Cộng	6.749.981.692	3.783.334.994

10. Phải thu khác

a. Ngắn hạn

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu	363.233.526	-	343.649.583	-
Tạm ứng	5.409.283.462	-	6.328.448.500	-
Phải thu liên quan đến khoản điều chỉnh giảm CP của BKS (i)	455.765.897	-	455.765.897	-
Ký cược, ký quỹ	40.727.075	-	-	-
Phải thu khác	574.055.336	-	822.776.088	-
Cộng	6.843.065.296	-	7.950.640.068	-

b. Dài hạn

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu liên quan đến khoản điều chỉnh giảm CP của BKS (i)	1.105.640.310	-	1.105.640.310	-
Phải thu liên quan đến chi phí xuất toán (ii)	1.493.970.740	-	1.493.970.740	-
Cộng	2.599.611.050	-	2.599.611.050	-

- (i) Là khoản phải thu các cá nhân có liên quan đến các khoản chi phí bị xuất toán năm 2016 tương ứng khối lượng, đơn giá, định mức bị giảm trừ theo kết quả của Kiểm toán Nhà nước và các khoản chi phí khoán dịch vụ năm 2016 bị xuất toán tương ứng khối lượng bị giảm trừ theo kết quả kiểm tra của Ban Kiểm soát.
- (ii) Phải thu các cá nhân do thanh toán bằng chứng từ không hợp lệ, bị cơ quan quan thuế xuất toán chi phí và truy thu thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. Hàng tồn kho

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	349.670.098	-	687.657.655	-
Công cụ, dụng cụ	851.705.929	-	788.143.312	-
Chi phí SX, KD dở dang	878.622.182	-	1.738.369.769	-
Cộng	2.079.998.209	-	3.214.170.736	-

- Không có hàng tồn kho ứ đọng, kém phẩm chất, chậm tiêu thụ tại thời điểm 31/12/2023.
- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 31/12/2023.

12. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
Chi phí sửa chữa	1.807.090.272	1.724.590.334
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.148.611.925	1.481.920.200
Chi phí bảo hiểm, tiền thuê nhà đất, khoản khác	352.989.621	275.314.416
Cộng	3.308.691.818	3.481.824.950

b. Dài hạn

	31/12/2023	01/01/2023
Chi phí sửa chữa	3.312.617.675	2.634.746.968
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.631.902.124	1.412.462.618
Các khoản khác	304.107.179	1.109.251.767
Cộng	5.248.626.978	5.156.461.353

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	80.383.611.819	3.303.150.481	92.479.050.569	1.045.678.553	177.211.491.422
Mua sắm trong năm	-	-	15.321.480.134	-	15.321.480.134
T/lý, nhượng bán	-	769.534.523	3.020.889.834	547.230.100	4.337.654.457
Giảm trong năm (*)	51.549.068.342	69.064.000	-	-	51.618.132.342
Số cuối năm	28.834.543.477	2.464.551.958	104.779.640.869	498.448.453	136.577.184.757
Khấu hao					
Số đầu năm	66.823.716.191	3.006.663.441	58.212.383.429	788.206.196	128.830.969.257
Khấu hao trong năm	2.735.950.364	112.675.428	7.075.748.822	134.234.943	10.058.609.557
T/lý, nhượng bán	-	769.534.523	3.020.889.834	508.185.876	4.298.610.233
Giảm trong năm (*)	48.201.134.694	69.064.000	-	-	48.270.198.694
Số cuối năm	21.358.531.861	2.280.740.346	62.267.242.417	414.255.263	86.320.769.887
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	13.559.895.628	296.487.040	34.266.667.140	257.472.357	48.380.522.165
Số cuối năm	7.476.011.616	183.811.612	42.512.398.452	84.193.190	50.256.414.870

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2023 là 48.145.533.165 đồng.
- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 31/12/2023 là 13.249.357.250 đồng.

(*) Công ty bàn giao hạng mục công trình bãi rác Khánh Sơn cho Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường Đà Nẵng theo biên bản bàn giao ngày 01/11/2023.

14. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá		
Số đầu năm	1.136.220.000	1.136.220.000
Mua trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	1.136.220.000	1.136.220.000
Khấu hao		
Số đầu năm	256.678.514	256.678.514
Khấu hao trong năm	126.902.688	126.902.688
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	383.581.202	383.581.202
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	879.541.486	879.541.486
Số cuối năm	752.638.798	752.638.798

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2023 là

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

123.000.000 đồng.

- Không có TSCĐ vô hình đã thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 31/12/2023.

15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2023	01/01/2023
Chi phí mua sắm TSCĐ	-	14.673.298.316
Hệ thống xử lý nước thải	2.549.408.580	2.458.593.731
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	731.287.946	731.287.946
Cộng	3.280.696.526	17.863.179.993

16. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
Công ty TNHH Vệ sinh Môi trường và Xây dựng Đà Nẵng	1.010.808.289	-
TCT Cơ khí Giao thông vận tải Sài Gòn - TNHH MTV	-	8.280.000.000
Công ty TNHH Xây dựng Công nghệ môi trường Toàn Cầu	2.621.783.016	4.640.452.290
Công Ty TNHH Xây dựng Vận tải Hưng Gia Trịnh	1.359.281.950	-
Công ty Xăng dầu khu vực V - TNHH MTV	1.643.558.885	942.999.420
Các đối tượng khác	2.497.047.256	7.319.938.202
Cộng	9.132.479.396	21.183.389.912

17. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Số cuối năm	
	Phải thu	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	1.088.813.145	14.719.215.845	12.435.238.897	-	3.372.790.093
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	852.426.936	1.150.842.673	926.461.787	-	1.076.807.822
Thuế thu nhập cá nhân	19.826.339	-	357.635.112	345.902.495	8.093.722	-
Thuế tài nguyên	-	465.120	7.261.920	7.007.040	-	720.000
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	271.120.152	-	1.435.008.888	1.756.116.696	592.227.960	-
Các loại thuế khác	-	-	15.500.000	15.500.000	-	-
Các khoản phải nộp khác	-	22.740.010	79.755.306	77.483.688	-	25.011.628
Cộng	290.946.491	1.964.445.211	17.765.219.744	15.563.710.603	600.321.682	4.475.329.543

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
Chi phí phục vụ hoạt động công ích, đặt hàng, dịch vụ	11.035.464.978	3.085.934.702
Các khoản trích trước khác	85.000.000	83.181.818
Cộng	11.120.464.978	3.169.116.520

19. Phải trả ngắn hạn khác

a. Ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
Kinh phí công đoàn	388.807.703	394.474.522
Phải trả về cổ phần hoá (*)	3.642.487.363	3.642.487.363
Cổ tức phải trả	209.768.957	178.214.967
UBND Thành phố Đà Nẵng (*)	24.288.838.839	22.547.179.744
Phải trả khác	9.388.143.856	4.998.397.677
Cộng	37.918.046.718	31.760.754.273

b. Dài hạn

	31/12/2023	01/01/2023
UBND Thành phố Đà Nẵng (*)	3.741.659.092	7.483.318.187
Cộng	3.741.659.092	7.483.318.187

(*) Là các khoản phải trả liên quan đến cổ phần hóa và giá trị tài sản được Ngân sách đầu tư phải trả lại cho UBND Thành phố Đà Nẵng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

20. Vay và nợ thuê tài chính

a. Ngắn hạn

	Đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Cuối năm
Vay ngắn hạn	-	9.689.790.524	9.689.790.524	-
- Ngân hàng TMCP Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Đà Nẵng	-	4.451.482.031	4.451.482.031	-
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - CN Đà Nẵng	-	2.150.675.138	2.150.675.138	-
- Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Nam Đà Nẵng	-	3.087.633.355	3.087.633.355	-
Vay dài hạn đến hạn trả	303.900.000	1.994.900.000	985.200.000	1.313.600.000
- Quỹ đầu tư phát triển Thành phố Đà Nẵng (*)	303.900.000	1.994.900.000	985.200.000	1.313.600.000
Cộng	303.900.000	11.684.690.524	10.674.990.524	1.313.600.000

b. Dài hạn

	Đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Cuối năm
Vay dài hạn	3.141.200.000	7.038.600.000	985.200.000	9.194.600.000
- Quỹ đầu tư phát triển Thành phố Đà Nẵng (*)	3.141.200.000	7.038.600.000	985.200.000	9.194.600.000
Cộng	3.141.200.000	7.038.600.000	985.200.000	9.194.600.000
Trong đó:				
- Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm	303.900.000			1.313.600.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	2.837.300.000			7.881.000.000

(*) Vay dài hạn Quỹ đầu tư phát triển Thành phố Đà Nẵng theo Hợp đồng tín dụng số 14/2022/HĐTD ngày 18/10/2022 để mua 14 xe ép rác. Thời hạn vay là 96 tháng tính từ ngày giải ngân khoản nợ đầu tiên. Lãi suất cho vay là 6,5%/năm và được điều chỉnh tại các phụ lục Hợp đồng tín dụng. Hợp đồng vay được thế chấp bằng 5 xe ép rác hiện có và 14 xe ép rác hình thành từ vốn vay, quy định cụ thể tại hợp đồng thế chấp số 37/2022.HĐTC ngày 20/10/2022.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Số trích lập trong năm	Số thực chi trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(1.260.827.409)	1.590.918.066	2.595.392.335	(2.265.301.678)
Quỹ thưởng Ban điều hành	71.966.798	116.250.000	107.500.000	80.716.798
Cộng	(1.188.860.611)	1.707.168.066	2.702.892.335	(2.184.584.880)

22. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2022	57.736.000.000	9.421.348.308	8.103.885.218	75.261.233.526
Tăng trong năm	-	3.130.292.080	7.137.753.683	10.268.045.763
Giảm trong năm	-	-	10.434.306.832	10.434.306.832
Số dư tại 31/12/2022	57.736.000.000	12.551.640.388	4.807.332.069	75.094.972.457
Số dư tại 01/01/2023	57.736.000.000	12.551.640.388	4.807.332.069	75.094.972.457
Tăng trong năm	-	1.148.492.016	5.719.042.219	6.867.534.235
Giảm trong năm	-	-	5.742.460.082	5.742.460.082
Số dư tại 31/12/2023	57.736.000.000	13.700.132.404	4.783.914.206	76.220.046.610

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2023	01/01/2023
UBND Thành phố Đà Nẵng	29.445.360.000	29.445.360.000
Công ty CP Môi trường Việt Nam	-	7.719.870.000
Công ty CP Dịch vụ Môi trường Đà Nẵng	7.719.870.000	-
Ông Nguyễn Văn Tuấn	-	3.914.060.000
Các cổ đông khác	20.570.770.000	16.656.710.000
Cộng	57.736.000.000	57.736.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

c. Cổ phiếu

	31/12/2023	01/01/2023
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.773.600	5.773.600
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.773.600	5.773.600
- Cổ phiếu phổ thông	5.773.600	5.773.600
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.773.600	5.773.600
- Cổ phiếu phổ thông	5.773.600	5.773.600
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND		

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2023	Năm 2022
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	4.807.332.069	8.103.885.218
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	5.719.042.219	7.137.753.783
Phân phối lợi nhuận	5.742.460.082	10.434.306.932
- Phân phối lợi nhuận năm trước	5.742.460.082	10.434.306.932
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	1.148.492.016	3.130.292.080
+ Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	116.250.000	162.000.000
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	1.590.918.066	3.100.494.852
+ Chia cổ tức	2.886.800.000	4.041.520.000
- Tạm phân phối lợi nhuận năm này	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ	4.783.914.206	4.807.332.069

Công ty phân phối lợi nhuận năm 2022 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2023 số 06/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/06/2023.

e. Cổ tức

Theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 07/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/06/2023 của Công ty, cổ tức năm 2022 được trả bằng tiền với tỷ lệ 5% vốn điều lệ. Theo đó, Công ty đã thông báo ngày đăng ký cuối cùng để hưởng cổ tức bằng tiền vào ngày 14/08/2023 và thực hiện chi trả từ ngày 11/09/2023.

23. Nguồn kinh phí

	Năm 2023	Năm 2022
Nguồn kinh phí kỳ trước chuyển sang	128.300.000	103.300.000
Nguồn kinh phí được cấp trong kỳ	118.670.000	208.000.000
Chi sự nghiệp	25.000.000	183.000.000
Nguồn kinh phí còn lại cuối kỳ	221.970.000	128.300.000

24. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tên tài sản	Số lượng
Công trình Đóng cửa bãi rác Khánh Sơn	1
Nhà vệ sinh đông cầu Sông Hàn	1
Nhà vệ sinh góc đường Yên Bái và Nguyễn Thái Học	1
Nhà vệ sinh Công viên Bạch Đằng Đông	1
Nhà vệ sinh Trung tâm Hội chợ triển lãm	1

25. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2023	Năm 2022
Doanh thu dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt	97.028.660.772	91.855.845.894
Doanh thu thu gom rác thải theo đơn đặt hàng của Nhà nước	124.343.959.765	119.346.717.888
Doanh thu dịch vụ thu gom, xử lý rác	37.495.944.481	28.812.173.087
Doanh thu hoạt động bán thùng rác, chế phẩm sinh học	68.339.530	34.670.875
Cộng	258.936.904.548	240.049.407.744

26. Giá vốn hàng bán

	Năm 2023	Năm 2022
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	240.606.484.638	219.442.568.738
Giá vốn của hàng hóa đã bán	40.965.912	23.636.366
Cộng	240.647.450.550	219.466.205.104

27. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2023	Năm 2022
Lãi tiền gửi	940.894.604	893.675.868
Cộng	940.894.604	893.675.868

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

28. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2023	Năm 2022
Chi phí nhân viên quản lý	6.468.509.451	6.104.944.387
Chi phí vật liệu quản lý	603.062.259	630.144.798
Chi phí đồ dùng văn phòng	391.553.808	764.977.130
Chi phí khấu hao TSCĐ	404.210.745	428.126.992
Thuế, phí và lệ phí	1.027.794.518	580.730.741
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.729.428.259	4.552.463.662
Chi phí bằng tiền khác	900.683.654	898.075.343
Cộng	14.525.242.694	13.959.463.053

29. Thu nhập khác

	Năm 2023	Năm 2022
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	2.915.146.044	458.486.495
Tiền thanh lý công cụ dụng cụ	-	67.819.445
Các khoản khác	2.020.200	5.786.884
Cộng	2.917.166.244	532.092.824

30. Chi phí khác

	Năm 2023	Năm 2022
Tiền phạt chậm nộp thuế	64.909.937	11.235.374
Chi phí khắc phục tổn thất	-	(44.001.076)
Chi phí khác	10.000.000	35.036.667
Cộng	74.909.937	2.270.965

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

31. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2023	Năm 2022
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.869.884.892	8.009.199.314
- Từ hoạt động kinh doanh xã hội hóa	3.011.283.374	5.309.691.898
- Từ hoạt động khác	3.858.601.518	1.454.213.715
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	477.452.446	496.335.982
- Điều chỉnh tăng	477.452.446	496.335.982
+ Phạt vi phạm hành chính, chậm nộp thuế	64.909.937	11.235.374
+ Thủ lao HĐQT, BKS không trực tiếp điều hành	211.200.000	211.200.000
+ Chi phí không hợp lý, hợp lệ	201.342.509	273.900.608
- Điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	7.347.337.338	8.505.535.296
- Từ hoạt động kinh doanh xã hội hóa	3.488.735.820	5.806.027.880
- Từ hoạt động khác	3.858.601.518	1.454.213.715

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành **1.150.842.673** **871.445.531**

Trong đó:

- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	1.120.593.886	871.445.531
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	31.679.898	-
- Chi phí thuế TNDN truy thu của Xí nghiệp dịch vụ môi trường	(1.431.111)	-

32. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2023	Năm 2022
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.719.042.219	7.137.753.783
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	(1.707.168.066)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm	-	1.707.168.066
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	5.719.042.219	5.430.585.717
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	5.773.600	5.773.600
Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	991	941

- Chỉ tiêu lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2022 được điều chỉnh do tính trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích năm 2022 là 1.707.168.066 đồng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 29/06/2023.
- Chỉ tiêu lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2023 được tính khi chưa trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi do Điều lệ và Đại hội đồng Cổ đông không quy định trích lập các quỹ này. Theo đó, chỉ tiêu này có thể thay đổi tùy thuộc vào quyết định sau này của Đại hội đồng Cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

33. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2023	Năm 2022
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	42.230.650.785	45.097.647.581
Chi phí nhân công	131.157.109.477	124.999.942.521
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.185.512.245	9.913.706.053
Chi phí dịch vụ mua ngoài	64.499.800.414	52.376.847.145
Chi phí khác bằng tiền	6.198.906.824	3.118.929.779
Cộng	254.271.979.745	235.507.073.079

34. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chủ yếu là thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải và trong khu vực địa lý chủ yếu là thành phố Đà Nẵng.

35. Quản lý rủi ro

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro về lãi suất, rủi ro về tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro về giá

Do Công ty hoạt động trong lĩnh vực vệ sinh môi trường đô thị nên chi phí phát sinh chủ yếu là chi phí nhân công và các chi phí vật tư, nhiên liệu, dịch vụ mua ngoài khác. Đối với chi phí nhân công, Công ty xây dựng quỹ tiền lương theo qui định tại Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 áp dụng cho các Công ty cổ phần do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ. Đối với vật tư, nhiên liệu, dịch vụ mua ngoài khác, Công ty tham khảo giá của nhiều nhà cung cấp để đảm bảo giá mua là hợp lý. Do đó, Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động về giá ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Các khách hàng chính của Công ty đến từ số đông người dân, doanh nghiệp và các tổ chức sử dụng dịch vụ, do tính thiết yếu của dịch vụ nên tiền dịch vụ các khách hàng này được thanh toán kịp thời, đầy đủ; Các khách hàng là Cơ quan nhà nước (như: Sở Tài nguyên & Môi trường và các Quận, Huyện, Thành phố) thanh toán gói đầu bằng nguồn vốn Ngân sách. Ngoài ra đối với các khách hàng khác (thu gom chất thải công nghiệp, xử lý bùn,...), Công ty thường tìm hiểu kỹ về khả năng tài chính, có hợp đồng ràng buộc chặt chẽ về tiến độ thanh toán gắn với khối lượng công việc thực hiện; luôn theo dõi, đối chiếu thông tin về công nợ để kịp thời đôn đốc, triển khai các biện pháp thu nợ thích hợp. Do đó, Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro tín dụng của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

31/12/2023	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	9.132.479.396	-	9.132.479.396
Chi phí phải trả	11.120.464.978	-	11.120.464.978
Vay và nợ thuê tài chính	1.313.600.000	7.881.000.000	9.194.600.000
Phải trả khác	9.597.912.813	-	9.597.912.813
Cộng	31.164.457.187	7.881.000.000	39.045.457.187

01/01/2023	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	21.183.389.912	-	21.183.389.912
Chi phí phải trả	3.169.116.520	-	3.169.116.520
Vay và nợ thuê tài chính	303.900.000	2.837.300.000	3.141.200.000
Phải trả khác	5.176.612.644	-	5.176.612.644
Cộng	29.833.019.076	2.837.300.000	32.670.319.076

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

31/12/2023	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.885.670.040	-	10.885.670.040
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	14.817.174.113	-	14.817.174.113
Phải thu khách hàng	50.019.930.360	-	50.019.930.360
Phải thu khác	978.015.937	-	978.015.937
Cộng	76.700.790.450	-	76.700.790.450
01/01/2023	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.755.326.915	-	13.755.326.915
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	12.181.148.247	-	12.181.148.247
Phải thu khách hàng	31.614.623.064	-	31.614.623.064
Phải thu khác	1.166.425.671	-	1.166.425.671
Cộng	58.717.523.897	-	58.717.523.897

36. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

	Mối quan hệ
UBND Thành phố Đà Nẵng và các đơn vị trực thuộc (Quận, Huyện, sở ban ngành)	Cổ đông lớn

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan

Giao dịch	Năm 2023	Năm 2022
UBND Thành phố Đà Nẵng và các đơn vị trực thuộc (Quận, Huyện, sở ban ngành)	Thu gom rác theo đơn đặt hàng 120.085.271.430	119.346.717.888

c. Số dư với các bên liên quan

Khoản mục	31/12/2023	01/01/2023
UBND các Quận, Huyện TP Đà Nẵng	Phải thu khách hàng 24.738.397.598	20.291.858.030
	Phải trả khác 28.030.497.931	30.030.497.931

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

d. Thu nhập của các cán bộ chủ chốt

Bên liên quan	Nội dung	Năm 2023	Năm 2022
Hội đồng quản trị			
Ông Phạm Thanh Phúc	Lương, thưởng	334.288.000	324.000.000
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Thù lao HĐQT	52.800.000	52.800.000
Ông Phan Công Tư	Thù lao HĐQT	52.800.000	52.800.000
Ban kiểm soát			
Võ Thị Mận	Lương, thưởng	283.912.000	273.497.310
Thái Quốc Khánh	Thù lao BKS	-	26.400.000
Lê Thị Hồng Thủy	Thù lao BKS	52.800.000	52.800.000
Huỳnh Thị Thanh Nhân	Thù lao BKS	52.800.000	26.400.000
Ban Tổng Giám đốc			
Ông Võ Minh Đức	Lương, thưởng	310.600.000	300.000.000
Bà Võ Thị Huỳnh Trang	Lương, thưởng	236.536.000	228.000.000
Bà Hoàng Thị Ngọc Hiếu	Lương, thưởng	280.912.000	276.000.000
Ông Nguyễn Đăng Huy	Lương, thưởng	227.536.000	103.168.436

37. Cam kết thuê hoạt động đối với đất thuê

Công ty ký các hợp đồng thuê đất với Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Đà Nẵng (bên liên quan) với các hợp đồng như sau:

Hợp đồng số	Diện tích đất thuê (m2)	Vị trí	Mục đích thuê	Giá thuê (đồng/m2/năm)	Phương thức nộp
46/HĐTD ngày 24/12/2012	2.123,7	469 Núi Thành, Đà Nẵng	Nhà làm việc, nhà xưởng, kho	323.359	Nộp tiền hằng năm
47/HĐTD ngày 24/12/2012	2.437,6	471 Núi Thành, Đà Nẵng	Nhà làm việc, nhà xưởng, kho	320.627	Nộp tiền hằng năm
06/HĐTD ngày 15/06/2020	783,2	Đường Trần Nhân Tông, Sơn Trà, Đà Nẵng	Văn phòng Xí nghiệp môi trường Sơn Trà	312.720	Nộp tiền hằng năm
05/HĐTD ngày 15/06/2020	249,9	Đường Ấp Bắc, Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng	Văn phòng Xí nghiệp môi trường Ngũ Hành Sơn	89.980	Nộp tiền hằng năm
04/HĐTD ngày 15/06/2020	201,4	Đường Trà Na 2, Liên Chiểu, Đà Nẵng	Văn phòng Xí nghiệp môi trường Liên Chiểu	62.280	Nộp tiền hằng năm
03/HĐTD ngày 15/06/2020	81,0	Đường Đinh Núp, Thanh Khê, Đà Nẵng	Văn phòng Xí nghiệp môi trường Thanh Khê	171.340	Nộp tiền hằng năm
02/HĐTD ngày 15/06/2020	44,7	Đường Bạch Đằng, Hải Châu, Đà Nẵng	Văn phòng Xí nghiệp môi trường Hải Châu	4.742.400	Nộp tiền hằng năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

38. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

39. Số liệu so sánh

Là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi AAC.



Tổng Giám đốc

Võ Minh Đức

Đà Nẵng, ngày 29 tháng 03 năm 2024

Phụ trách kế toán

Diệp Nguyễn Thế Quang

Người lập biểu

Huỳnh Thị Xuân



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng

Thành phố Đà Nẵng, ngày 19 tháng 04 năm 2024

Người đại diện theo pháp luật
Tổng Giám đốc

Võ Minh Đức